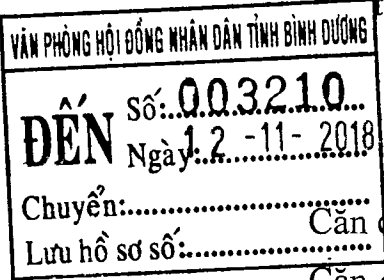


Số: 5365/TT-UBND

Bình Dương, ngày 07 tháng 11 năm 2018

TỜ TRÌNH

Đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về danh mục công trình, dự án thuộc diện thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trong năm 2019 trên địa bàn tỉnh Bình Dương



Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Đất đai năm 2013 và các Văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai quy định về công tác lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện,

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh nội dung như sau:

1. Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét thông qua danh mục 389 công trình, dự án với tổng diện tích 2.949,14ha để thực hiện trong năm 2019. Cụ thể như sau:

a) Số lượng công trình, dự án đăng ký mới thực hiện thu hồi đất trong năm 2019 là 88, với tổng diện tích đất thu hồi là 126,41ha. Trong đó:

- Phân loại theo nguồn vốn đầu tư:

+ Công trình, dự án sử dụng vốn ngân sách là 69, với diện tích 112,85ha.

+ Công trình, dự án sử dụng vốn doanh nghiệp là 19, diện tích 13,56ha.

- Phân loại theo địa bàn:

+ Thành phố Thủ Dầu Một: 09 công trình, diện tích 37,35ha.

+ Thị xã Thuận An: 13 công trình, diện tích 15,99ha.

+ Thị xã Dĩ An: 05 công trình, diện tích 1,26ha.

+ Thị xã Tân Uyên: 09 công trình, diện tích 9,26ha.

+ Thị xã Bến Cát: 05 công trình, với diện tích 3,15ha.

+ Huyện Dầu Tiếng: 10 công trình, với diện tích 8,83ha.

+ Huyện Phú Giáo: 24 công trình, với diện tích 12,62ha.

+ Huyện Bàu Bàng: 04 công trình, với diện tích 23,91ha.

+ Huyện Bắc Tân Uyên: 09 công trình, với diện tích 14,05ha.

(Chi tiết đính kèm Phụ lục 1).

b) Số lượng công trình, dự án chuyển tiếp sang năm 2019 là 266, với diện tích 2.629,03ha. Trong đó:

- Phân loại theo hình thức đầu tư:

+ Công trình, dự án thực hiện theo hình thức thu hồi đất là 263, với diện tích 2.622,99ha.

+ Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa là 03, với diện tích 6,04ha.

- Phân loại theo nguồn vốn đầu tư:

+ Công trình, dự án sử dụng vốn ngân sách là 172, diện tích 1.166,76ha.

+ Công trình, dự án sử dụng vốn sở hữu kiến thiết là 05, diện tích 6,43ha.

+ Công trình, dự án sử dụng vốn doanh nghiệp là 89, với diện tích 1.455,84ha.

- Phân loại theo địa bàn:

+ Thành phố Thủ Dầu Một: 28 công trình, diện tích 125,02ha.

+ Thị xã Thuận An: 24 công trình, diện tích 74,73ha.

+ Thị xã Dĩ An: 35 công trình, diện tích 89,22ha.

+ Thị xã Tân Uyên: 31 công trình, diện tích 110,36ha.

+ Thị xã Bến Cát: 46 công trình, với diện tích 923,8ha.

+ Huyện Dầu Tiếng: 21 công trình, với diện tích 31,71ha.

+ Huyện Phú Giáo: 32 công trình, với diện tích 541,9ha.

+ Huyện Bàu Bàng: 40 công trình, với diện tích 95,48ha.

+ Huyện Bắc Tân Uyên: 09 công trình, với diện tích 636,81ha.

(Chi tiết đính kèm Phụ lục 2A).

c) Số công trình, dự án điều chỉnh (thay đổi về diện tích, vị trí) thực hiện trong năm 2019 là 35, diện tích điều chỉnh thực hiện trong năm 2019 là 193,7ha. Trong đó:

- Phân loại theo nguồn vốn đầu tư:

+ Công trình, dự án sử dụng vốn ngân sách là 33, với diện tích 188,21ha.

+ Công trình, dự án sử dụng vốn doanh nghiệp là 02, với diện tích 5,49ha.

- Phân loại theo địa bàn:

+ Thành phố Thủ Dầu Một: 05 công trình, diện tích 7,0ha.

+ Thị xã Thuận An: 12 công trình, diện tích 12,57ha.

+ Thị xã Bến Cát: 08 công trình, với diện tích 53,27ha.

+ Huyện Dầu Tiếng: 04 công trình, với diện tích 2,19ha.

- + Huyện Bàu Bàng: 01 công trình, với diện tích 7,83ha.
- + Huyện Bắc Tân Uyên: 05 công trình, với diện tích 110,84ha.

(Chi tiết đính kèm Phụ lục 2B).

2. Không chuyển tiếp thực hiện trong năm 2019 và đưa ra khỏi danh mục 70 công trình, dự án với diện tích 265,06ha, cụ thể:

- Thành phố Thủ Dầu Một: 06 công trình, diện tích 6,07ha.
- Thị xã Dĩ An: 02 công trình, diện tích 0,55ha.
- Thị xã Tân Uyên: 06 công trình, diện tích 8,3ha.
- Thị xã Bến Cát: 35 công trình, với diện tích 60,58ha.
- Huyện Phú Giáo: 14 công trình, với diện tích 162,57ha.
- Huyện Bàu Bàng: 04 công trình, với diện tích 24,76ha.
- Huyện Bắc Tân Uyên: 03 công trình, với diện tích 2,24ha.

(Chi tiết đính kèm Phụ lục 3)

3. Đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất giao Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét giải quyết việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa của tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng đất của hộ gia đình, cá nhân đã chuyển đổi mục đích sử dụng đất và được thống kê là loại đất khác nhưng trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn thể hiện mục đích là đất lúa để thực hiện dự án đầu tư phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất hoặc công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định vào kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh giữa năm 2019.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- TT.TU, TT.HĐND;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban KTNS – HĐND tỉnh;
- Sở: KHĐT, TC, TP, TNMT;
- UBND các huyện, thị, thành phố;
- LĐVP, Tn, TH;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Thanh Liêm



PHỤ LỤC I

PHƯƠNG TRÌNH PHẢI THU HỒI ĐẤT THUỘC THẨM QUYỀN HĐND TỈNH TRONG NĂM 2019 ĐĂNG KÝ MỚI
(Ban hành kèm theo Tờ trình số 5365/TTr-UBND ngày 7/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

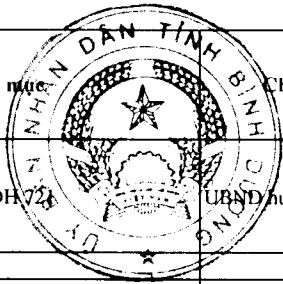
STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Mã QH	Diện tích (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường	Nguồn vốn	Pháp lý vốn
						Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
1	Thành phố Thủ Dầu Một		9	37,35	0,00	37,35					
1	Đường từ Huỳnh Văn Lũy đến đường Đồng Cây Viêt (đường liên ấp 1-5 phường Phú Mỹ)	UBND Thủ Dầu Một	DGT	5,93		5,93		Dạng tuyến	Phú Mỹ	Ngân sách	Quyết định phê duyệt dự án số 1573/QĐ-UBND ngày 30/3/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Nâng cấp mở rộng đường Bùi Ngọc Thu	UBND Thủ Dầu Một	DGT	3,20		3,20		Từ ĐLBD đến Nguyễn Chí Thanh và Hồ Văn Công	Hiệp An, Tương Bình Hiệp	Ngân sách	Quyết định phê duyệt dự án số 3779/QĐ-UBND ngày 29/11/2010
3	Đường Lê Chí Dân	UBND Thủ Dầu Một	DGT	12,10		12,10		Dạng tuyến	Tân An, Tương Bình Hiệp	Ngân sách	Quyết định phê duyệt dự án số 109/QĐ-UBND ngày 14/1/2010
4	Xây dựng đường N6 (đầu tuyến giáp đường Trần Văn Ôn, cuối tuyến giáp Lê Hồng Phong)	UBND Thủ Dầu Một	DGT	12,27		12,27		Dạng tuyến	Phú Hòa	Ngân sách	Nghị quyết số 148/HĐND ngày 03/11/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố
5	Nâng cấp mở rộng đường D13 (từ đường 30/4 đến đường Lê Hồng Phong)	UBND Thủ Dầu Một	DGT	0,68		0,68		Dạng tuyến	Phú Thọ	Ngân sách	Quyết định phê duyệt dự án số 4470/QĐ-UBND ngày 01/11/2016
6	Mở mới đường phân khu D13 (từ Phạm Ngọc Thạch đến đường N13)	UBND Thủ Dầu Một	DGT	1,61		1,61		Dạng tuyến	Phú Mỹ	Ngân sách	Nghị quyết số 148/HĐND ngày 03/11/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố
7	Xây dựng đường phân khu D9 (từ đường 30/4 đến đường Lê Hồng Phong)	UBND Thủ Dầu Một	DGT	0,99		0,99		Dạng tuyến	Phú Thọ	Ngân sách	Quyết định phê duyệt dự án số 4473/QĐ-UBND ngày 01/11/2016
8	Đầu tư cơ sở hạ tầng khu tái định cư phường Phú Mỹ	UBND Thủ Dầu Một	DHT	0,50		0,50			Phú Mỹ	Ngân sách	Chủ trương đầu tư số 2263/UBND-KT ngày 29/7/2010
9	Xây dựng nhà vệ sinh công cộng	Cty TNHH TMDV&MT Kim Hoàng Hiệp	DHT	0,07		0,07		Tờ bản đồ 34	Phú Cường	Doanh nghiệp	Chủ trương đầu tư số 1514/UBND-KTN ngày 21/4/2017
II	Thị xã Thuận An		13	15,99	0,00	15,99					
10	Xây dựng mới tuyến đường An Thạnh 51 (đoạn từ đường Nguyễn Chí Thanh đến đường Thạnh Bình)	UBND thị xã Thuận An	DGT	0,99		0,99		Dạng tuyến	An Thạnh	Ngân sách	Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của HĐND thị xã về kế hoạch đầu tư công năm 2018
11	Xây dựng tuyến đường Lái Thiêu PKV09	UBND thị xã Thuận An	DGT	0,37		0,37		Dạng tuyến	Lái Thiêu	Ngân sách	Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của HĐND thị xã về kế hoạch đầu tư công năm 2018
12	Xây dựng mới đường D5 (đường Thuận Giao 10 nối dài)	UBND thị xã Thuận An	DGT	0,93		0,93		Dạng tuyến	Thuận Giao	Ngân sách	Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của HĐND thị xã về kế hoạch đầu tư công năm 2018
13	Xây dựng mới đường Bình Chuẩn 63	UBND thị xã Thuận An	DGT	2,75		2,75		Dạng tuyến	Bình Chuẩn	Ngân sách	Nghị quyết số 35/HĐND ngày 22/8/2018 của HĐND thị xã Thuận An về phê duyệt bổ sung, điều chỉnh 09 dự án đầu tư công trung hạn 2016-2020

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Mã QH	Diện tích (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường	Nguồn vốn	Pháp lý vốn
						Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
14	Đường Bùi Thị Xuân	UBND thị xã Thuận An	DGT	0,10		0,10		Dạng tuyến	An Phú	Ngân sách	Đã có vốn đầu tư công trung hạn; đang trình HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư trong năm 2019
15	Trục thoát nước Bưng Bíp, Suối Cát	UBND thị xã Thuận An	DTL	4,00		4,00		Từ cầu trắng đến rạch Bà Lụa	Bình Chuẩn	Ngân sách	Nghị quyết số 06/NQ-HNDN ngày 18/7/2018 của HĐND thị xã về Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016-2020
16	Khu Tái định cư khu phố Bình Đáng	UBND thị xã Thuận An	ODT	0,45		0,45			Bình Hoà	Ngân sách	Văn bản 3319/UBND-KTN ngày 20/7/2018 của UBND tỉnh về chủ trương đầu tư các dự án tái định cư trên địa bàn TX Thuận An
17	Khu Tái định cư Bình Hoà	UBND thị xã Thuận An	ODT	2,00		2,00		Thửa 2, 23 tờ bản đồ 10	Bình Hoà	Ngân sách	Văn bản 3319/UBND-KTN ngày 20/7/2018 của UBND tỉnh về chủ trương đầu tư các dự án tái định cư trên địa bàn TX Thuận An
18	Khu Tái định cư Hoà Lân 2	UBND thị xã Thuận An	ODT	0,81		0,81		Thửa 5 tờ bản đồ 181	Thuận Giao	Ngân sách	Văn bản 3319/UBND-KTN ngày 20/7/2018 của UBND tỉnh về chủ trương đầu tư các dự án tái định cư trên địa bàn TX Thuận An
19	Khu tái định cư Bình Chuẩn	UBND thị xã Thuận An	ODT	0,55		0,55		sd 1p đất DA Trường TH Lê Thị Trung	Bình Chuẩn	Ngân sách	Văn bản 3319/UBND-KTN ngày 20/7/2018 của UBND tỉnh về chủ trương đầu tư các dự án tái định cư trên địa bàn TX Thuận An
20	Công trình TBA 110KV Bình Thuận và đường dây đầu nối	Công ty Điện lực Bình Dương	DNL	0,40		0,40		Dạng tuyến	An Phú	Doanh nghiệp	CV 3194/PCBD_KHVT ngày 24/8/2018 của Cty Điện lực BD
21	Công trình bồi thường giải phóng mặt bằng cho dự án xây dựng mới công viên Anh Thạnh và rạch kè Búng	UBND thị xã Thuận An	DKV	0,64		0,64			An Thạnh	Ngân sách	Báo cáo số 719/BC-TCKH ngày 07/11/2018 của Phòng Tài chính Kế hoạch thị xã Thuận An về kết quả thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn
22	Bồi thường GPMT ven sông Sài Gòn (đoạn 2)	UBND thị xã Thuận An	DKV	2,00		2,00			Lái Thiêu	Ngân sách	Báo cáo số 720/BC-TCKH ngày 07/11/2018 của Phòng Tài chính Kế hoạch thị xã Thuận An về kết quả thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn
III	Thị xã Dĩ An		5	1,26	0,00	1,26					
23	Đường hẻm Tổ 4,5 Tây B	UBND thị xã Dĩ An	DGT	0,15		0,15	CLN, ODT	Công trình dạng tuyến	Đông Hòa	Ngân sách	Quyết định 4672/QĐ-UBND ngày 17/10/2016 của UBND thị xã Dĩ An về việc phê duyệt chủ đầu tư công trình: Đường hẻm tổ 4, 5 khu phố tây B, phường Đông Hòa
24	Nâng cấp, mở rộng đường tổ 6 KP Tây A	UBND thị xã Dĩ An	DGT	0,20		0,20	CLN, ODT	Công trình dạng tuyến	Đông Hòa	Ngân sách	Quyết định 4028/QĐ-UBND ngày 24/9/2018 của UBND thị xã Dĩ An về việc phê duyệt chủ đầu tư công trình: Nâng cấp mở rộng đường tổ 6, KP Tây A



STT	Hạng mục	Hạng đầu tư	Mã QH	Diện tích (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường	Nguồn vốn	Pháp lý vốn
						Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
25	Công trình TBA 110kV Bình Thuận và đường dây đầu nối	Cty điện lực Bình Dương	DNL	0,40		0,40	HNK, CLN	Công trình dạng tuyến	Bình An	Doanh nghiệp	Văn bản số 3196/PCBD-KHVT ngày 24/8/2018 của Cty điện lực Bình Dương
26	Đường dây 110kV lộ ra 110kV Trạm 220kV Tân Uyên	Cty điện lực Miền Nam	DNL	0,16		0,16	HNK, CLN	Công trình dạng tuyến	Bình An	Doanh nghiệp	Văn bản số 439/ALĐMN-QLCL ngày 27/8/2018 của BQLDA lưới điện Miền Nam
27	Khu nhà ở xã hội Liên Châu	UBND tỉnh Bình Dương	ODT	0,35		0,35	CLN		Tân Bình	Ngân sách	Công văn số 3692/UBND-KTN ngày 05/10/2016 của UBND tỉnh
IV	Thị xã Tân Uyên		9	9,24	0,00	9,24					
28	Mở rộng trung tâm hành chính xã Vĩnh Tân	UBND thị xã	TSC	0,21		0,21	CLN	Thửa 1234, tờ 21	Vĩnh Tân	Ngân sách	Văn bản số 2978/UBND-SX ngày 17/8/2018 của UBND thị xã Tân Uyên
29	Dự án lối đi và khu vực chờ đưa đón học sinh trường THCS Tân Hiệp	UBND thị xã	DGT	0,20		0,20	CLN	Thửa 176, tờ 20	Tân Hiệp	Ngân sách	Văn bản số 2518/UBND-SX ngày 13/7/2018 của UBND thị xã Tân Uyên
30	Chợ và Khu phố chợ Vĩnh Tân	UBND thị xã	DCH	1,04		1,04	CLN		Vĩnh Tân	Ngân sách	Công văn số 3595/UBND-KTN ngày 06/8/2018 của UBND tỉnh
31	Lộ ra 110kV Trạm 220kV Tân Uyên	Cty điện lực Bình Dương	DNL	0,42		0,42	CLN	dạng tuyến	Thái Hòa, Thạnh Phước	Doanh nghiệp	Văn bản số 3197/PCBD-KHVT ngày 24/8/2018 của Công ty Điện lực Bình Dương
32	Trạm biể áp 110kV Thạnh Phước và đường dây 110kV Thạnh Phước - TBA 500kV Tân Uyên	Cty điện lực Bình Dương	DNL	0,40		0,40	CLN	dạng tuyến	Thạnh Phước	Doanh nghiệp	Văn bản số 3197/PCBD-KHVT ngày 24/8/2018 của Công ty Điện lực Bình Dương
33	Trạm biến áp 10kV VSIP 2 - MR3 và đường dây đầu nối	Cty điện lực Bình Dương	DNL	0,40		0,40	CLN	dạng tuyến	Vĩnh Tân	Doanh nghiệp	Văn bản số 3197/PCBD-KHVT ngày 24/8/2018 của Công ty Điện lực Bình Dương
34	Xây dựng bê kè sạt lở sông Đồng Nai	Ban quản lý Đầu tư Xây dựng tỉnh	DTL	5,93		5,93	CLN	Dạng tuyến	Các xã	Ngân sách	Quyết định số 2855/QĐ-UBND ngày 11/10/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình bờ kè chống sạt lở sông Đồng Nai giai đoạn 2
35	Đường dây 110kV đầu nối trạm 220kV Tân Định 2	Cty điện lực Bình Dương	DNL	0,16		0,16	CLN	dạng tuyến	Vĩnh Tân	Doanh nghiệp	Văn bản số 3197/PCBD-KHVT ngày 24/8/2018 của Công ty Điện lực Bình Dương
36	Nâng cấp bê tông nhựa nóng mặt đường và lắp đặt hệ thống thoát nước tuyến đường ĐĐT. Tân Phước Khánh 07 (từ ngã tư nhà ông Phạm Hồng Công đến ngã ba công ty Khánh Hội)	UBND thị xã	DGT	0,48		0,48	CLN, ODT	dạng tuyến	Tân Phước Khánh	Ngân sách	Quyết định số 4709/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND Tx. Tân Uyên v/v phê duyệt chủ trương đầu tư
V	Thị xã Bến Cát		5	3,15	0,00	3,15					
37	Công trình Trạm biến áp 110kV Mỹ Phước 4 và ĐD đầu nối.	Cty Điện lực Bình Dương	DNL	0,45		0,45		Dạng tuyến	Mỹ Phước	Doanh nghiệp	Văn bản số 3193/PCBD ngày 24/8/2018 của điện lực Bình Dương
38	Đường dây 110kV đầu nối trạm 220kV Tân Định 2	Cty Điện lực Bình Dương	DNL	2,25		2,25		Dạng tuyến	Hòa Lợi, Chánh Phú Hòa	Doanh nghiệp	Văn bản số 3193/PCBD ngày 24/8/2018 của điện lực Bình Dương

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Mã QH	Diện tích (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường	Nguồn vốn	Pháp lý vốn
						Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
39	Đường vào trường Tiểu học Định Phước	UBND Thị xã	DGT	0,01		0,01	CLN	tờ số 23	Tân Định	Ngân sách	Công văn số 2162/UBND-KT ngày 21/8/2018 của Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát về việc bồi thường phân đường vào trường thuộc công trình Trường tiểu học Định Phước
40	Đường dây 110kV đấu nối trạm 110kV Cheng Loong	Cty Điện lực Bình Dương	DNL	0,14		0,14		Dạng tuyến		Doanh nghiệp	Văn bản số 437/ALDMN- QLCT ngày 27/8/2018 của Ban quản lý dự án lưới điện Miền Nam
41	Lộ ra 110kV trạm 220kV Bến Cát 2	Cty Điện lực Bình Dương	DNL	0,30		0,30		Dạng tuyến		Doanh nghiệp	Văn bản số 3193/PCBD ngày 24/8/2018 của điện lực Bình Dương
VI	Huyện Dầu Tiếng		10	13,50	4,67	8,83					
42	Xây dựng đường VS1 + VS 2 (giai đoạn 2)	UBND huyện Dầu Tiếng	DGT	1,50		1,50		Tờ 13	Thanh Tuyền	Ngân sách	Quyết định số 295/QĐ-UBND ngày 13/6/2018 của UBND huyện Dầu Tiếng
43	Xây dựng bê tông xi măng đường 15	UBND huyện Dầu Tiếng	DGT	0,22		0,22		Tờ 13	Thanh Tuyền	Ngân sách	Quyết định số 408/QĐ-UBND ngày 23/7/2018 của UBND huyện Dầu Tiếng
44	Chỉnh trang khu dân cư khu phố 4B	UBND huyện Dầu Tiếng	DGT	1,86		1,86		Tờ 10, 15	TT Dầu Tiếng	Ngân sách	Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND huyện Dầu Tiếng kế hoạch đầu tư công trung hạn
45	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Ngô Quyền	UBND huyện Dầu Tiếng	DGT	2,70	2,20	0,50		27, 28, 30	TT Dầu Tiếng	Ngân sách	Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND huyện Dầu Tiếng kế hoạch đầu tư công trung hạn
46	Nâng cấp mở rộng đường ĐT - 744	UBND huyện Dầu Tiếng	DGT	0,02		0,02		KM 12+000 đến KM32+000	Thanh Tuyền	Ngân sách	Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND huyện Dầu Tiếng kế hoạch đầu tư công trung hạn
47	Trạm y tế xã Định An	UBND huyện Dầu Tiếng	DYT	0,44		0,44		Tờ 23	Định An	Ngân sách	Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND huyện Dầu Tiếng kế hoạch đầu tư công trung hạn
48	Trạm Biến áp 110 kV An Lập và đường dây đấu nối	Công ty Điện lực Bình Dương	DNL	0,40		0,40		Dạng tuyến	An Lập	Doanh nghiệp	Văn bản 3200/PCBD-KHVT ngày 24/8/2018 của Công ty Điện lực Bình Dương
49	Nhà văn hóa ấp Chiến Thắng	UBND huyện Dầu Tiếng	DSH	0,15		0,15		Tờ 30	Định An	Ngân sách	Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND huyện Dầu Tiếng kế hoạch đầu tư công trung hạn
50	Mở rộng cổng di tích Rừng Lịch sử Kiến An	UBND huyện Dầu Tiếng	DDT	0,02		0,02		Tờ 35	An Lập	Ngân sách	Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND huyện Dầu Tiếng kế hoạch đầu tư công trung hạn



STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Mã QH	Diện tích (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường	Nguồn vốn	Pháp lý vốn
						Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
51	Nâng cấp nhựa đường ĐH 72	UBND huyện Dầu Tiếng	DGT	6,19	2,47	3,72		Từ ĐT 749A đến ĐT 750	Long Hòa	Ngân sách	Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND huyện Dầu Tiếng kế hoạch đầu tư công trung hạn
VII	Huyện Phú Giáo		24	12,62	0,00	12,62					
52	Công trình đường dây 110kV Phú Giáo- TBA 220KV Uyên Hưng	Ban quản lý dự án Điện lực Miền Nam	DNL	0,40	0,00	0,40	CLN	Dạng tuyến	Vĩnh Hòa, Phước Hoà	Doanh nghiệp	Công văn số 3201/PCBD-KHVT ngày 24/8/2018 của Công ty Điện Lực Bình Dương
53	Trạm biến áp 110kV Tân Hiệp và đường dây đầu nối	Ban quản lý dự án Điện lực Miền Nam	DNL	0,40		0,40	CLN	dạng tuyến	Tân Hiệp	Doanh nghiệp	Công văn số 3201/PCBD-KHVT ngày 24/8/2018 của Công ty Điện Lực Bình Dương
54	Trạm biến áp 110kV KCN Công Xanh và đường dây đầu nối	Ban quản lý dự án Điện lực Miền Nam	DNL	0,20		0,20	CLN	dạng tuyến	Phước Hòa	Doanh nghiệp	Văn bản số: 5763/ADLMN-QLCTĐ1 ngày 21/9/2018 của Ban quản lý dự án điện lực Miền Nam
55	Trạm điện và văn phòng làm việc (thu hồi đất trường học cũ)	Công ty Điện lực Bình Dương.	DNL	0,35		0,35	TSC		Vĩnh Hòa	Doanh nghiệp	Quyết định số 3822/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Bình Dương. Năm 2018 thu hồi đất trường học giao về cho UBND huyện Phú Giáo. Năm 2019 UBND huyện Phú Giáo tiếp tục giao đất về cho Công ty Điện lực Bình Dương.
56	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH 518	UBND Huyện	DGT	1,10		1,10	CLN	Bổ sung thêm diện tích 1,10 ha theo kế hoạch SDD năm 2018.	An Bình	Ngân sách	Quyết định 1167/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của ủy ban nhân dân huyện Phú Giáo.
57	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH 519	UBND Huyện	DGT	0,80		0,80	CLN	Bổ sung thêm 0,8 ha theo kế hoạch SDD năm 2018.	Phước Sang	Ngân sách	Quyết định 1167/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của ủy ban nhân dân huyện Phú Giáo.
58	Mở rộng đường ĐH 507	UBND Huyện	DGT	3,40		3,40	CLN	dạng tuyến	Vĩnh Hòa, Tân Hiệp, An Thái, An Lập	Ngân sách	Nghị quyết 10/NQ- HĐND ngày 20/07/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương
59	Mở rộng Đường ĐH 520	Công ty cao su Phước Hòa	DGT	0,30		0,30	CLN	Tờ 12	Phước Hòa	Ngân sách	Công văn số 623/CSPH-CN ngày 16/08/2017 của Công ty Cổ Phần Cao su Phước Hòa. Văn bản số 166/UBND-KT ngày 24/11/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Giáo
60	Mở rộng Đường ĐH 514 nối dài	UBND Huyện	DGT	1,50		1,50	CLN	dạng tuyến	Phước Hòa	Ngân sách	Quyết định 1167/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của ủy ban nhân dân huyện Phú Giáo.
61	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM đường Miếu (đường GTNT)	UBND xã	DGT	0,10		0,10	CLN	ấp 1B	Phước Hòa	Ngân sách	Nghị quyết 38/NQ- HĐND ngày 29/6/2018 của Hội đồng nhân dân xã Phước Hòa
62	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM từ ĐH 515 đến nhà ông Sang (đường GTNT)	UBND xã	DGT	0,10		0,10	CLN	ấp Bồ Lả	Phước Hòa	Ngân sách	Nghị quyết 38/NQ- HĐND ngày 29/6/2018 của Hội đồng nhân dân xã Phước Hòa

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Mã QH	Diện tích (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường	Nguồn vốn	Pháp lý vốn
						Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
63	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM đường Xây Lấp (đường GTNT)	UBND xã	DGT	0,10		0,10	CLN	ấp 1B	Phước Hòa	Ngân sách	Nghị quyết 38/NQ- HĐND ngày 29/6/2018 của Hội đồng nhân dân xã Phước Hòa
64	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM từ ĐT514 đến nhà ông Thu (đường GTNT)	UBND xã	DGT	0,10		0,10	CLN	ấp Suối con	Phước Hòa	Ngân sách	Nghị quyết 38/NQ- HĐND ngày 29/6/2018 của Hội đồng nhân dân xã Phước Hòa
65	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM từ Văn phòng ấp 1B đến đường Miếu (đường GTNT)	UBND xã	DGT	0,10		0,10	CLN	ấp 1B	Phước Hòa	Ngân sách	Nghị quyết 38/NQ- HĐND ngày 29/6/2018 của Hội đồng nhân dân xã Phước Hòa
66	Mở rộng đường GTNT (Nhánh Bàu Đồi)	UBND xã	DGT	0,37		0,37	CLN	Từ thửa 117 tờ 15 đến thửa 31 tờ 16	Phước Sang	Ngân sách	Nghị quyết 23/NQ- HĐND ngày 29/12/2017 của Hội đồng nhân dân xã Phước Sang
67	Mở rộng đường GTNT (Đường Suối Sa Dụp)	UBND xã	DGT	0,40		0,40	CLN	Từ thửa 529 tờ 02 đến thửa 569 tờ 02	Phước Sang	Ngân sách	Nghị quyết 23/NQ- HĐND ngày 29/12/2017 của Hội đồng nhân dân xã Phước Sang
68	Mở rộng đường GTNT (Đường Căn Cứ 20)	UBND xã	DGT	0,50		0,50	CLN	Từ thửa 48 tờ 02 đến thửa 03 tờ 02	Phước Sang	Ngân sách	Nghị quyết 23/NQ- HĐND ngày 29/12/2017 của Hội đồng nhân dân xã Phước Sang
69	Mở rộng đường GTNT (Đường Trạm Bơm)	UBND xã	DGT	0,83		0,83	CLN	Từ thửa 304 tờ 11 đến thửa 159 tờ 13	Phước Sang	Ngân sách	Nghị quyết 23/NQ- HĐND ngày 29/12/2017 của Hội đồng nhân dân xã Phước Sang
70	Mở mới đường GTNT	UBND xã	DGT	0,30		0,30	CLN	ấp Nước Vàng	An Bình	Ngân sách	Theo quyết định số: 194/QĐ-UBND ngày 1 tháng 8 năm 2018 của UBND xã An Bình về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018
71	Mở mới đường GTNT	UBND xã	DGT	0,70		0,70	CLN	ấp Cà Na	An Bình	Ngân sách	Theo quyết định số: 194/QĐ-UBND ngày 1 tháng 8 năm 2018 của UBND xã An Bình về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018
72	Mở mới tuyến đường từ ĐH 509 đến đất ông Quý ấp 4 (đường GTNT)	UBND xã	DGT	1,00		1,00	CLN	Tờ 16, tờ 18	Tân Hiệp	Ngân sách	Nghị quyết 02/NQ- HĐND ngày 29/6/2018 của Hội đồng nhân dân xã Tân Hiệp.
73	Trụ sở văn phòng ấp Cây Cam	UBND Huyện	DSH	0,30		0,30	CLN	Thửa 808 Tờ 09	An Bình	Ngân sách	Công văn số 826/BTL-CHC ngày 26/7/2018 của Bộ tư lệnh Quân Đoàn 4 chấp thuận bàn giao đất cho địa phương để xây dựng văn phòng ấp.
74	Trụ sở văn phòng ấp Đồng Sen	UBND Huyện	DSH	0,27		0,27	CLN	Thửa 769 Tờ 35	An Bình	Ngân sách	Công văn số 826/BTL-CHC ngày 26/7/2018 của Bộ tư lệnh Quân Đoàn 4 chấp thuận bàn giao đất cho địa phương để xây dựng văn phòng ấp.
75	Trụ sở UBND xã An Bình	UBND Huyện	TSC	0,90		0,90	CLN	Thửa 60 Tờ 08	An Bình	Ngân sách	Quyết định 1167/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của ủy ban nhân dân huyện Phú Giáo



STT		Chủ đầu tư	Mã QH	Diện tích (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường	Nguồn vốn	Pháp lý vốn
						Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
VIII	huyện Bắc Bình		4	33,66	9,75	23,91					
76	Nâng cấp mở rộng đường DH 618	UBND huyện	DGT	11,76	5,04	6,72	CLN	Dạng tuyến	Lai Uyên, Tân Hưng	Ngân sách	Quyết định số 2081/QĐ-UBND ngày 30/7/2018 của UBND tỉnh Bình Dương v/v giao chỉ tiêu Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công năm 2018
77	Nâng cấp mở rộng đường DH 610	UBND huyện	DGT	15,65	4,71	10,94	CLN	Dạng tuyến	Lai Hưng, Long Nguyên	Ngân sách	Quyết định số 2081/QĐ-UBND ngày 30/7/2018 của UBND tỉnh Bình Dương v/v giao chỉ tiêu Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công năm 2018
78	Đường dây 220kV Chơn Thành - Bến Cát	Tổng công ty truyền tải điện quốc gia (EVN NPT)	DNL	1,25		1,25	ONT, CLN	Dạng tuyến	Trừ Văn Thố, Lai Uyên, Lai Hưng	Doanh nghiệp	Công văn 4164/CPMB-DB ngày 26/07/2018 của BQLĐA các công trình điện miền Trung
79	Trạm dừng nghỉ đường bộ loại II	Công ty TNHH vận tải Thành Công	TMDV	5,00		5,00	CLN	Thửa đất số 2, 11 tờ bản đồ số 42	xã Lai Hưng	Doanh nghiệp	Công văn số 1463/BGTVT ngày 19/3/2018 của Bộ Giao thông Vận tải về việc chấp thuận chủ trương địa điểm đầu tư trạm dừng nghỉ đường bộ
IX	Huyện Bắc Tân Uyên		9	14,05	0,00	14,05					
80	Đầu tư xây dựng mới đường và cầu Vàm Tư	UBND huyện	DGT	6,90		6,90	CLN	tờ 16, 17, 18 xã Bình Mỹ; tờ 40, 48 xã Tân Định	Tân Định - Bình Mỹ	Ngân sách	Văn bản số 5692/UBND-KTTH ngày 13/12/2017 của UBND tỉnh; Văn bản số 5692/UBND-KTTH ngày 13/12/2017 của UBND tỉnh
81	Xây dựng công hợp Suối Đá	UBND huyện	DGT	1,45		1,45	CLN	tờ 17 xã Bình Mỹ; tờ 48 xã Tân Định	Tân Định - Bình Mỹ	Ngân sách	Văn bản số 2212/UBND-KTTH ngày 26/9/2016 của UBND huyện BTU
82	Xây dựng công hợp Suối Dĩa	UBND huyện	DGT	0,23		0,23	CLN	tờ 27 xã Tân Định; tờ số 2 xã Tân Lập	Tân Định - Tân Lập	Ngân sách	Văn bản số 2211/UBND-KTTH ngày 26/9/2016 của UBND huyện Bắc Tân Uyên
83	Mở rộng Trung tâm y tế huyện	UBND huyện	DYT	0,70		0,70	CLN	1 phần thửa 15 tờ 32	Tân Thành	Ngân sách	Biên bản thỏa thuận Công ty CS Phước Hòa
84	Mở rộng Trường Mầm non Hoa Cúc (xây dựng bổ sung mới 06 phòng học)	UBND huyện	DGD	0,15		0,15	CLN	1pt 46, tờ bản đồ 41	Bình Mỹ	Ngân sách	Văn bản số 2289/UBND-KTTH ngày 2289/UBND-KTTH của UBND huyện Bắc Tân Uyên
85	Trường MN Sơn Ca	UBND huyện	DGD	1,66		1,66	CLN	1pt 88 tờ 47	Tân Định	Ngân sách	Văn bản số 1929/UBND-KTTH ngày 29/6/2018 của UBND huyện Bắc Tân Uyên
86	Trung Tâm VH xã Đất Cuốc	UBND huyện	DVH	2,69		2,69	CLN	Thửa 55 tờ bản đồ số 1	Đất Cuốc	Ngân sách	Quyết định số 1545/QĐ-UBND ngày 21/6/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Bắc Tân Uyên
87	Văn phòng khu phố 4 Tân Thành	UBND huyện	DSH	0,12		0,12	CLN	1pt 59 tờ 31	Tân Thành	Ngân sách	Văn bản số 4353/UBND-KTN ngày 14/9/2018 của UBND tỉnh
88	Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt cộng đồng xã Lạc An	UBND huyện	DSH	0,15		0,15	CLN	Thửa 50, 43 tờ bản đồ số 33	Lạc An	Ngân sách	Công văn số 2677/UBND ngày 16/10/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Bắc Tân Uyên
Tổng			88,00	140,83	14,42	126,41					



PHỤ LỤC 2A

BẢNG MỤC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TRONG NĂM 2019 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH DƯƠNG

(Ban hành kèm theo Tờ trình số 5365/TTr-UBND ngày 07/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Hạng mục	Mã QH	Diện tích (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm		Nguồn vốn	Năm đăng ký kế hoạch
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường		
A	CÔNG TRÌNH THU HỒI ĐẤT	263	2.645,36	22,37	2.622,99					
1	Thành phố Thủ Dầu Một	28	125,02	0,00	125,02					
1	Trường tiểu học Phú Lợi 2	DGD	1,00	0,00	1,00	TMD	Tờ 32-2 thửa 289	Phú Lợi	Ngân sách	2018
2	Đường theo QH phân khu là N3	DGT	1,50	0,00	1,50	CLN, ODT	Từ Huỳnh Văn Cù - ranh DA Khu ĐTST Chánh Mỹ	Chánh Mỹ	Ngân sách	2017
3	Mở rộng đường đê bao dọc rạch Bà Cỏ (phân khu là N8)	DGT	2,12	0,00	2,12	CLN, ODT	Công trình dạng tuyến	Chánh Mỹ	Ngân sách	2018
4	Mở rộng đường từ KDC Chánh Nghĩa - CMT8	DGT	0,34	0,00	0,34	CLN, ODT	Từ KDC Chánh Nghĩa - CMT8	Chánh Nghĩa	Ngân sách	2018
5	Mở mới và thu hồi đất vùng phụ cận đường Tạo lực 6 nối dài	DGT	4,48	0,00	4,48	CLN, ODT	Từ ĐLBD - nút giao Phan Đăng Lưu và Huỳnh Thị Châu	Hiệp An	Ngân sách	2018
6	Xây dựng vỉa hè, cây xanh, hệ thống chiếu sáng, thoát nước đường Huỳnh Văn Lũy	DGT	2,10	0,00	2,10	CLN, ODT	Từ Trần Ngọc Lên - vòng xoay	Phú Mỹ	Ngân sách	2018
7	Đường trục chính Đông Tây	DGT	5,00	0,00	5,00	CLN, ODT	Công trình dạng tuyến	Tân An	Ngân sách	2018
8	Mở rộng và thu hồi đất vùng phụ cận đường DX-144	DGT	14,16	0,00	14,16	CLN, ODT	Công trình dạng tuyến	Tương Bình Hiệp	Ngân sách	2018
9	Nâng cấp, mở rộng nút giao ngã ba Nguyễn Tri Phương - Bùi Quốc Khánh	DGT	0,60	0,00	0,60	CLN, ODT	Công trình dạng tuyến	Chánh Nghĩa	Ngân sách	2018
10	Mở rộng đường Liên khu 1, 2, 3	DGT	0,02	0,00	0,02	ODT	Công trình dạng tuyến	Phú Cường	Ngân sách	2018
11	Nâng cấp, mở rộng đường Liên khu 6, 7, 8, 9 phường Phú Hòa (đường N10)	DGT	2,07	0,00	2,07	CLN, ODT	Công trình dạng tuyến	Phú Hòa	Ngân sách	2017
12	Khu đất thu hồi của Cty CP TM-DT-XD Phú Cường	DKV	0,40	0,00	0,40	SKC	Tờ 30-1; thửa 37	Phú Lợi	Ngân sách	2018
13	Công viên Phú Cường (ĐA TDM TK 21 cũ)	DKV	24,48	0,00	24,48	ODT		Phú Cường	Ngân sách	2017
14	Xây dựng công viên giao lộ CMT8-Ngô Quyền	DKV	0,50	0,00	0,50		Thửa đất số 411, 2032, 1080, 967, 1058; 975, 974, 973, 972, 1342, 174, 141, 1139, 144, 141, tờ bản đồ số 133, 131	Phú Cường	Ngân sách	2018
15	Nhà văn hóa phường Chánh Mỹ	DVH	1,00	0,00	1,00	DTT		Chánh Mỹ	Ngân sách	2017
16	Khu tái định cư KCN Đồng An 2	ODT	25,00	0,00	25,00	CLN, ODT		Hòa Phú	Doanh nghiệp	2017
17	Khu đô thị sinh thái Chánh Mỹ	ODT	14,03	0,00	14,03		Nằm xen kẽ trong dự án	Chánh Mỹ	Doanh nghiệp	2018

STT	Hạng mục	Mã QH	Diện tích (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm		Nguồn vốn	Năm đăng ký kế hoạch
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường		
18	Khu nhà ở xã hội Hiệp Phát 2	ODT	0,82	0,00	0,82		Thửa đất số 02(136), 02(137), tờ bản đồ số 07; Thửa đất số 108, tờ bản đồ số 02	Hiệp Thành	Doanh nghiệp	2018
19	Khu đô thị mới Chánh Nghĩa	ODT	13,50	0,00	13,50	CLN, SKC, ODT		Chánh Nghĩa	Ngân sách	2018
20	Trường tiểu học Định Hòa 2	DGD	1,18		1,18	NTD	Tờ 5-4 thửa 133	Định Hòa	Ngân sách	2017
21	Hoa viên KV Mũi Tàu (CMT 8 - Đại lộ Bình Dương)	DKV	0,40		0,40	CAN, ODT, DGD		Hiệp Thành	Ngân sách	2017
22	Công trình Đường dây 110kV 02 mạch từ TBA 220kV Bình Hòa đến TBA 1110KV Gò Đậu.	DNL	0,20		0,20	CLN	Công trình dạng tuyến	Phú Hòa	Doanh nghiệp	2018
23	Công trình Trạm biến áp 110kV Định Hòa và đường dây đầu nối	DNL	0,60		0,60	CLN	Công trình dạng tuyến	Định Hòa	Doanh nghiệp	2018
24	điểm đô thị TOD dọc tuyến đường Mỹ Phước Tân Vạn- Điểm 1	ODT	1,52		1,52	CLN		Phú Lợi	Doanh nghiệp	2018
25	Mở rộng Trụ sở UBND phường Phú Thọ	TSC	0,08		0,08	ODT		Phú Thọ	Ngân sách	2018
26	Xây dựng kho lưu trữ Sở TN & MT	TSC	0,30		0,30	DGD	Tờ 109 thửa 12	Hòa Phú	Ngân sách	2017
27	Các trục giao thông chính thuộc Quy hoạch các bệnh viện và một số công trình nhà nước	DGT	2,00		2,00	CLN	Công trình dạng tuyến	Định Hòa	Ngân sách	Đang thực hiện
28	Khu tái định cư Phú Mỹ (khu 1)	ODT	5,62		5,62	HNK, CLN	Tờ 13-1 giáp Đình Phú Hữu	Phú Mỹ	Ngân sách	Đang thực hiện
II	Thị xã Thuận An	24	74,73	0,00	74,73					
29	Chợ Lái Thiêu	DCH	4,00		4,00	CLN	Tờ bản đồ số DC 48	Lái Thiêu	Ngân sách	2017
30	Trường THPT An Phú	DGD	1,70		1,70	CLN	Thửa đất số 60 Tờ bản đồ số DC 90 (B2)	An Phú	Ngân sách	2017
31	Trường Mầm non Hoa Mai 4	DGD	0,80		0,80	CLN	Thửa đất số 53 Tờ bản đồ số DC 131	Thuận Giao	Ngân sách	2018
32	Trường Tiểu học Thuận Giao 2	DGD	1,20		1,20	CLN	Thửa đất số 140, 214 Tờ bản đồ số DC 131	Thuận Giao	Ngân sách	2018
33	Trường Tiểu học An Phú 3	DGD	1,78		1,78	CLN	Thửa đất số 563 Tờ bản đồ số DC 275 (Năm trong khu định cư Vsip)	An Phú	Ngân sách	2018
34	Đường Miếu Đồng Tư	DGT	0,56		0,56	CLN+ODT	Tờ bản đồ số: DC 17, DC 09	Lái Thiêu	Ngân sách	2017

STT	Hạng mục	Mã QH	Diện tích (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm		Nguồn vốn	Năm đăng ký kế hoạch
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường		
35	Nâng cấp mở rộng đường AT 63-64	DGT	0,51		0,51	CLN		An Thạnh	Ngân sách	2017
36	Đường ranh Lái Thiêu - Bình Nhâm	DGT	0,17		0,17	CLN		Lái Thiêu	Ngân sách	2017
37	Nâng cấp, mở rộng đường nhà thờ Lái Thiêu	DGT	0,27		0,27	CLN		Lái Thiêu	Ngân sách	2017
38	Xây dựng mới đường D4, N4 (đường vào Trường tiểu học Thuận Giao 2)	DGT	0,50		0,50		Thửa đất số 411,2032,1080,967,972,1342,174,141,1139,144,141 Tờ bản đồ số 131,133	Thuận Giao	Ngân sách	2018
39	Nhà ở An sinh xã hội Becamex	ODT	8,03		8,03	CLN+ODT	Tờ bản đồ số DC 211	Thuận Giao	Doanh nghiệp	
40	Khu tái định cư Gò Chai (giai đoạn 2)	ODT	29,34		29,34	CLN	Tờ bản đồ số DC 74	Bình Hòa	Ngân sách	2018
41	Khu tái định cư Đồng Nhi	ODT	1,30		1,30		Thửa đất số 8 Tờ bản đồ số 31	Lái Thiêu	Ngân sách	2018
42	Bồi thường, Giải phóng mặt bằng (bổ sung) cho dự án Khu trung tâm chính trị - hành chính tập trung thị xã Thuận An (trước đây là Trung văn văn hóa Thuận An)	TSC	0,20		0,20			Lái Thiêu	Ngân sách	
43	Bến xe Bình Dương	DGT	10,00		10,00	CLN	Tờ bản đồ số DC 07	Bình Chuẩn	Ngân sách	2017
44	Xây dựng mới đường Hưng Định 15	DGT	2,99		2,99	CLN+ODT	Công trình dạng tuyến	Hưng Định	Ngân sách	2018
45	Công trình đường dây 110kV 2 mạch từ TBA 220kV Bình Hoà đến TBA 110kV Gò Đậu	DNL	0,25		0,25		Công trình dạng tuyến	Bình Hoà, Thuận Giao	Doanh nghiệp	2018
46	Tuyến ống thoát nước thải và 5 trạm bơm trong hành lang an toàn Công trình Đường dây 220KV Tân Uyên - Thuận An	DTL	0,02		0,02	SKC+CLN	Đoạn từ Mỹ Phước - Tân Vạn đến đường ĐT743	An Phú	Doanh nghiệp	2018
47	Điểm đô thị TOD dọc tuyến đường Mỹ Phước Tân Vạn- Điểm 2	ODT	1,70		1,70	CLN	Tờ bản đồ số 80, 90	An Phú	Doanh nghiệp	2018
48	Điểm đô thị TOD dọc tuyến đường Mỹ Phước Tân Vạn- Điểm 3	ODT	1,60		1,60	CLN	Tờ bản đồ số 173	An Phú	Doanh nghiệp	2018
49	UBND xã An Sơn mở rộng	TSC	0,15		0,15	CLN	Thửa đất số 524; tờ bản đồ số DC 09	An Sơn	Ngân sách	2018

STT	Hạng mục	Mã QH	Diện tích (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm		Nguồn vốn	Năm đăng ký kế hoạch
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường		
50	Đường PKV 21A (Đường vào Trung tâm VH-TDĐT)	DGT	0,63		0,63	CLN	Công trình dạng tuyến	Lái Thiêu	Ngân sách	Năm 2016
51	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 747B (Nút giao Miếu Ông Cù đến điểm giao đường Thủ Biên-Cổng Xanh)	DGT	1,25		1,25	CLN+ODT	Công trình dạng tuyến	Bình Chuẩn	Ngân sách	2.016
52	Nâng cấp mở rộng đường ĐT 743 (Đoạn từ Miếu Ông Cù - nút giao thông Sóng Thần)	DGT	5,78		5,78	CLN+ODT	Công trình dạng tuyến	An Phú, Bình Chuẩn, Bình Hoà	Ngân sách	2.016
III	Thị xã Dĩ An	35	110,59	21,37	89,22					
53	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư Tân Đông Hiệp và giải tỏa đền bù xây dựng Trường THCS Đồng Chiêu	DGD	1,35		1,35	CLN, ODT	9.TĐH.3	Tân Đông Hiệp	Ngân sách	2016
54	Nâng cấp, mở rộng ĐT 743 (đoạn từ Miếu Ông Cù - nút giao Sóng Thần)	DGT	11,21		11,21	CLN, ODT	Công trình dạng tuyến	Dĩ An, Tân Đông Hiệp	Ngân sách	2016
55	Xây dựng đường Bắc Nam 3	DGT	3,93	0,68	3,25	HNK, CLN, ODT	4BA; 4BA.5; 2BA.12; 2BA.6	Bình An	Ngân sách	2016
56	Nút giao thông công chính ĐHQG	DGT	0,31	0,08	0,23	SKC, ODT	6DH.6; 6DH.7	Đồng Hòa	Ngân sách	2015
57	Đường Mỹ Phước - Tân Vạn nối dài (tuyến D6)	DGT	1,32	0,26	1,06	CLN, SKC, SON	7BT.A, 9BT	Bình Thắng	Ngân sách	2015

STT	Hạng mục	Mã QH	Diện tích (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm		Nguồn vốn	Năm đăng ký kế hoạch
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường		
58	Đường Mỹ Phước Tân Vạn (đoạn tuyến)	DGT	6,26		6,26	CLN	Công trình dạng tuyến	Thị trấn, Tân Đông Hiệp	Ngân sách	2015
59	Trạm 500kV Tân Uyên và đầu nối	DNL	0,98		0,98	HNK, ODT	Công trình dạng tuyến	Tân Đông Hiệp, Tân Bình, Bình An	Doanh nghiệp	2016
60	Kênh SB	DTL	1,00		1,00	CLN	Công trình dạng tuyến	Đông Hòa	Ngân sách	2016
61	Suối Nhum	DTL	1,40		1,40	CLN	Công trình dạng tuyến	Đông Hòa	Ngân sách	2016
62	Đường từ quốc lộ 1K đi đại học Quốc gia TP. HCM và Xây dựng Khu tổ hợp phát triển nhà ở dịch vụ thương mại (Cty CP Trương Thiên Hà và Cty TNHH ĐT XD TM Băng Dương)	ODT	4,60		4,60	HNK, CLN, ODT	Tờ 8DH; 8DH.4	Đông Hòa	Doanh nghiệp	2015

STT	Hạng mục	Mã QH	Diện tích (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm		Nguồn vốn	Năm đăng ký kế hoạch
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường		
63	Nâng cấp, mở rộng đường Lê Văn Mắm (đoạn từ Mỹ Phước Tân Vạn đến khu đất công phường Tân Đông Hiệp)	DGT	0,40	0,14	0,26	HNK, CLN	4.TĐH.3; 4.TĐH.1; 4.TĐH.A	Tân Đông Hiệp	Ngân sách	2018
64	Đường liên khu phố Tây A - Tây B	DGT	1,02	0,27	0,75	HNK, CLN	3.ĐH.1; 3.ĐH.2; 3.ĐH.3; 3.ĐH.4; 3.ĐH.5	Đồng Hòa	Ngân sách	2018
65	Nâng cấp, mở rộng đường Tô Vĩnh Diện	DGT	1,79	1,07	0,72	HNK, CLN, ODT	8.ĐH.2; 8.ĐH.3; 8.ĐH.5	Đồng Hòa	Ngân sách	2018
66	Đường Mỹ Phước-Tân Vạn (đoạn từ cầu bà Khâm đến Ngã ba Tân Vạn)	DGT	0,50		0,50	HNK, CLN, ODT, SKC	7.BT.A	Bình Thắng	Ngân sách	2018
67	Vòng xuyên Mỹ Phước - Tân Vạn đầu nối ĐT743	DGT	0,20		0,20	HNK, CLN, ODT	7.BT.A	Bình Thắng	Ngân sách	2018
68	Nâng cấp, mở rộng đường Chiêu Liêu	DGT	2,24	1,14	1,10	CLN, ODT	Công trình dạng tuyến	Tân Đ Hiệp	Ngân sách	2017
69	Nâng cấp, mở rộng đường Đoàn Thị Kìa	DGT	1,20	0,76	0,44	CLN, ODT	Công trình dạng tuyến	Tân Đ Hiệp	Ngân sách	2017
70	Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật thuộc khu quy hoạch đất công phường Tân Đông Hiệp	DGT	9,89	9,27	0,62	HNK, CLN	Công trình dạng tuyến	Tân Đông Hiệp	Ngân sách	2017
71	Xây dựng đường dẫn và hạ tầng khu đất công tại phường Đồng Hoà	DGT	7,70	7,45	0,25	CLN, ODT	Công trình dạng tuyến	Đồng Hòa	Ngân sách	2017
72	Nâng cấp, mở rộng đường D5, D8 phường Bình An	DGT	1,35		1,35	HNK, CLN	2BA.6; 2BA.10; 2BA.11	Bình An	Ngân sách	2017

STT	Hạng mục	Mã QH	Diện tích (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm		Nguồn vốn	Năm đăng ký kế hoạch
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường		
73	Xây dựng đường từ Trần Hưng Đạo đi đường Võ Thị Sáu	DGT	1,68		1,68	HNK, CLN	1DH.4; 3DH.2; 3DH.1; 3DH	Đồng Hòa	Ngân sách	2017
74	Đường trục chính Đông Tây - Đoạn từ Quốc lộ 1A (bến xe Miền Đông mới) đến giáp đường Quốc lộ 1K.	DGT	9,96		9,96	HNK, CLN, ODT	11.BT.3; 11.BT.2; 11.BT.1; 11.BT; 10.BT; 5.ĐH; 4.ĐH; 10.BA; 4.BA; 4.BA.13; 4.BA.12	Đồng Hoà, Bình An, Bình Thắng	Ngân sách	2017
75	Tuyến đường Vành đai Đông Bắc 2	DGT	5,59		5,59	HNK, CLN	5BA.3; 5BA.5; 6BA.1; 6BA.2; 10BT; 6BT.3; 6BT.1; 6BT	Bình An, Bình Thắng	Ngân sách	2017
76	Đường kết nối KCN Tân Đông Hiệp B vào đường Mỹ Phước - Tân Vạn	DGT	0,39		0,39	HNK, CLN	Tờ bản đồ số 8TDH.A; 4TDH.B	Tân Đông Hiệp	Ngân sách	2017
77	Dự án thoát nước khu chợ Đồng Hoà	DTL	0,05		0,05	HNK, CLN	8.DH.3; 4.DH.2	Đồng Hòa	Ngân sách	2018
78	Hệ thống thoát nước suối Lò Ô	DTL	2,00		2,00	HNK, CLN	4.BA.2; 4.BA.3; 4.BA.8; 4.BA.9	Bình Thắng, Bình An	Ngân sách	2018
79	Cải tạo suối Mù U	DTL	0,80	0,26	0,54	HNK	8TDH.B; 6TDH.A	Tân Bình	Ngân sách	2017

STT	Hạng mục	Mã QH	Diện tích (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm		Nguồn vốn	Năm đăng ký kế hoạch
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường		
80	Kênh thoát nước T4	DTL	3,50		3,50	HNK, CLN	12TDH; 12TDh.1; 8TDh.5; 8TDH.1; 8TDH.13; 8TDH.2; 8TDH.8; 6TDH.A	Tân Đông Hiệp	Ngân sách	2017
81	Công viên Dĩ An	DKV	1,50		1,50	N'TD		Dĩ An	Ngân sách	2017
82	Dự án chợ Ngọc Qui	DCH	3,17		3,17	HNK, CLN	3.BA.2	Bình An	Doanh nghiệp	2018
83	Công trình lộ ra 110kV Trạm biến áp 500kV Tân Uyên	DNL	1,18		1,18	HNK, CLN	5TDH.B; B3.2; B3.4; C4; D4; D4.1; D5; E5.2; E5.4; E6	Tân Bình, Tân Đông Hiệp, Bình An	Doanh nghiệp	2017
84	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An	DTL	0,13		0,13	HNK, CLN	4.BA.2; 4.BA.3; 4.BA.8; 4.BA.9	Tân Đông Hiệp, An Bình, Đông Hoà, Dĩ An	Ngân sách	2018
85	Rạch Cái Cầu	DTL	8,62		8,62	CLN	Công trình dạng tuyến	Tân Đông Hiệp, Bình An	Ngân sách	2018
86	Điểm đô thị TOD dọc tuyến đường Mỹ Phước Tân Vạn- Điểm 4	ODT	11,54		11,54	HNK	TD9H1; 4.TDH.3; 4.TDH.2	Tân Đông Hiệp	Doanh nghiệp	2018
87	Điểm đô thị TOD dọc tuyến đường Mỹ Phước Tân Vạn- Điểm 5	ODT	1,84		1,84	CLN	7.BT.B	Bình Thắng	Doanh nghiệp	2018
IV	Thị xã Tân Uyên	29	106,32	0,00	106,32					
88	Khu đô thị Hill Land 19 (Công ty Phương Thành Công)	ODT	30,00		30,00	CLN	tờ 35, tờ 41	Khánh Bình	Doanh nghiệp	2015
89	Trường THCS Tân Hiệp	DGD	1,40		1,40	CLN	Thửa 109, 110, 173, tờ 20	Tân Hiệp	Ngân sách	2016
90	Trường THCS Khánh Bình	DGD	1,35		1,35	LUA	Thửa 306, 307, 375, 376, 372, 373, 374, 370, 371, 384, 366, 367, 362, 386, 387, 388, 389, 390, 392, 393, 394, 395, 435, 436, 437, 438, 439, 446, một phần thửa 444, tờ 49	Khánh Bình	Ngân sách	2016
91	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH 423 (đoạn từ ĐT 746 đến ĐT 747A)	DGT	5,45		5,45	CLN, ODT	Dạng tuyến	Tân Hiệp, Hội Nghĩa	Ngân sách	2017

STT	Hạng mục	Mã QH	Diện tích (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm		Nguồn vốn	Năm đăng ký kế hoạch
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường		
92	Nâng cấp, cải tạo đường DH 406 (đoạn từ cây xăng An Lộc đến cầu Khánh Vân)	DGT	2,35		2,35	CLN, ODT	Dạng tuyến	Khánh Bình	Ngân sách	2017
93	Dự án xây dựng đường từ ngã ba Mười Muộn đi ngã ba Tân Thành (đoạn từ Km0+700 đến Km1+500)	DGT	3,10		3,10	CLN, ODT	Dạng tuyến	Uyên Hưng	Ngân sách	2017
94	Mở rộng đường DH 425	DGT	6,50		6,50	CLN, ODT	Dạng tuyến	Uyên Hưng	Ngân sách	2017
95	Nâng cấp bê tông nhựa tuyến bờ sông (đoạn từ Trụ sở đoàn thể Uyên Hưng đến Quán Gió)	DGT	0,06		0,06	CLN, ODT	Dạng tuyến	Uyên Hưng	Ngân sách	2017
96	Bê tông nhựa đường giao thông nội đồng (đoạn từ nhà ông Lê Văn Út đến nhà ông Phạm Văn Toàn)	DGT	0,10		0,10	HNK, CLN	Dạng tuyến	Thanh Phước	Ngân sách	2017
97	Nâng cấp tuyến đường ĐX-10	DGT	0,10		0,10	HNK, CLN	Dạng tuyến	Tân Vĩnh Hiệp	Ngân sách	2017
98	Bê tông nhựa đường GTND Gò Trắc đoạn từ nhà ông Lê Văn Út đến nhà ông Phạm Văn Toàn, KP. Cây Đa	DGT	0,02		0,02	CLN, ODT	Dạng tuyến	Thanh Phước	Ngân sách	2018
99	Nâng cấp, mở rộng, bê tông nhựa tuyến đường ĐĐT.TPK 09	DGT	0,05		0,05	CLN, ODT	Dạng tuyến	Tân Phước Khánh	Ngân sách	2018
100	Bến xe khách Tân Uyên	DGT	2,02		2,02	CLN	Thửa 201, 202, 204, 207, 549, tờ 47	Uyên Hưng	Doanh nghiệp	2018
101	Nâng cấp BTN đường GTNT từ ĐT 742 nhà ông Luận (ấp 5) đến đường DH 409, xã Vĩnh Tân	DGT	0,02		0,02	CLN, ODT	Dạng tuyến	Vĩnh Tân	Ngân sách	2018
102	Giải phóng mặt bằng công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT747a (đoạn từ Thái Hòa đến Uyên Hưng)	DGT	15,00		15,00	CLN, ODT	Dạng tuyến	Thái Hòa, Thanh Phước, Khánh Bình, Uyên Hưng	Ngân sách	2018
103	Trạm biến áp 110kV Thường Tân và đường dây 110kV Uyên Hưng - Thường Tân	DNL	0,35		0,35	CLN	Dạng tuyến	Uyên Hưng	Doanh nghiệp	2017
104	Đường dây 110kV Tân Định - Khánh Bình	DNL	0,60		0,60	CLN	Dạng tuyến	Khánh Bình	Doanh nghiệp	2017
105	Trạm biến áp 110kV VSIP 2-MR2 và đường dây đầu nối	DNL	0,30		0,30	CLN	Dạng tuyến	Vĩnh Tân	Doanh nghiệp	2017
106	Công trình TBA 110kV Khánh Vân và đường dây đầu nối	DNL	0,40		0,40	CLN	Dạng tuyến	Khánh Bình	Doanh nghiệp	2017
107	Dự án Thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An, Thuận An và Tân Uyên	DTL	1,20		1,20	CLN, ODT	Tờ 11, 16	Thái Hòa	Doanh nghiệp	2018

STT	Hạng mục	Mã QH	Diện tích (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm		Nguồn vốn	Năm đăng ký kế hoạch
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường		
108	Mở rộng trường THPT Tân Phước Khánh	DGD	0,22		0,22	CLN	Thửa 7, tờ 34	Tân Phước Khánh	Ngân sách	2018
109	Xây dựng trường THPT Thái Hòa	DGD	3,94		3,94	CLN	Tờ số 12	Thái Hòa	Ngân sách	2018
110	Cảng Thanh Phước giai đoạn 2	DGT	27,83		27,83	CLN, ODT	Tờ 7, tờ 10	Thanh Phước	Doanh nghiệp	2017
111	Công trình TBA 110kV Bình Mỹ và đường dây đầu nối	DNL	0,50		0,50	CLN	Dạng tuyến	Khánh Bình	Doanh nghiệp	2017
112	Đường dây 110kV lộ ra Trạm 220kV Tân Uyên	DNL	0,62		0,62	CLN	Dạng tuyến	Thái Hòa	Doanh nghiệp	2017
113	Công trình Trạm biến áp 110kV Khánh Bình 2 và ĐD 110kV Khánh Bình 2- Trạm 500kV Tân Uyên	DNL	0,50		0,50	LUA, HNK, CLN	Dạng tuyến	Khánh Bình, Thanh Phước	Doanh nghiệp	2018
114	Công trình Đường dây 110kV VSIP2 MR1 - VSIP2 MR2.	DNL	0,30		0,30	CLN	Dạng tuyến	Vĩnh Tân	Doanh nghiệp	2018
115	Đường dây 110kV Phú Giáo - Trạm biến áp 220kV Uyên Hưng (đoạn thuộc địa bàn thị xã Tân Uyên)	DNL	0,14		0,14	CLN	dạng tuyến	Hội Nghĩa	Doanh nghiệp	2018
116	Trung tâm thể thao công nhân, lao động	DTT	1,90		1,90	CLN	Lô đất công viên TDTT - Khu dân cư thuộc KCN Nam Tân Uyên	Khánh Bình	Ngân sách	2018
V	Thị xã Bến Cát	46	924,80	1,00	923,80					
117	Trường Tiểu học Mỹ Phước 2	DGD	0,93		0,93	CLN	Thửa đất TT bồi dưỡng chính trị	Mỹ Phước	Xổ số kiến thiết	2017
118	Trường Mẫu giáo và nhà làm việc công đoàn của các khu công nghiệp Bến Cát	DGD	1,90		1,90	DGD	Thửa 1267, 1268, 2289, 2290, 2291, (1809) tờ 58, 59	Mỹ Phước	Xổ số kiến thiết	2018
119	Mở rộng trường Tiểu học An Điền (ấp An Sơn)	DGD	0,50		0,50	CLN	ấp An Sơn	An Điền	Xổ số kiến thiết	2018
120	Trường MN Sao Mai	DGD	1,10		1,10	DGD	thửa 5418, tờ 42	Thới Hòa	Xổ số kiến thiết	2018
121	Trường Tiểu học Thới Hòa	DGD	2,00		2,00	CLN	thuộc KDC ấp 1	Thới Hòa	Xổ số kiến thiết	2018
122	Trường tiểu học Hòa Lợi II	DGD	2,00		2,00	CLN	thửa 2841, tờ 11, Thới Hòa	Thới Hòa	Doanh nghiệp	2018
123	Xây dựng đường từ đường 2/9 đến đường ĐH620 (Chà vi)	DGT	3,52		3,52	CLN		Mỹ Phước	Ngân sách	2017
124	Xây dựng tuyến đường từ đường Mỹ Phước - Tân Vạn đến đường ĐT 741	DGT	1,56	0,60	0,96	CLN		Mỹ Phước, Tân Định	Ngân sách	2017
125	Đường Giao thông nội đồng từ Rạch Bà Phô đến đất ông Đỗ văn Dũng	DGT	0,65		0,65	CLN	tờ 39, ấp An Sơn	An Điền	Doanh nghiệp	2018

STT	Hạng mục	Mã QH	Diện tích (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm		Nguồn vốn	Năm đăng ký kế hoạch
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường		
126	Đường Giao thông kết nối từ Ranch Bã Phô đến Sông Thị Tinh	DGT	0,54		0,54	CLN	tờ 39, ấp An Sơn	An Điền	Ngân sách	2018
127	Nâng cấp đường từ ĐT 748 - nhà Bà Đò	DGT	0,48	0,40	0,08	CLN	ấp Kiến Điền	An Điền	Ngân sách	2018
128	Nâng cấp sồi đồ tuyến đường kho lúa (7A- xã An Điền đi xã An Tây)	DGT	2,25		2,25	CLN		An Điền, An Tây	Ngân sách	2018
129	Đầu nối đường giao thông Cụm công nghiệp An Điền ra ĐT 748	DGT	1,72		1,72	CLN		An Điền	Doanh nghiệp	2018
130	Xây dựng ICD-Cảng sông An Tây	DGT	100,00		100,00	CLN		An Tây	Doanh nghiệp	2017
131	Đường trục Đông - Tây nối từ đường ĐT 744 vào khu Công nghiệp-Dịch vụ- Đô Thị Riverside	DGT	21,50		21,50	CLN		An Điền, An Tây	Doanh nghiệp	2018
132	Trung tâm văn hóa TDTT xã An Điền	DKV	1,47		1,47	CLN	01 phần thửa 458, tờ 7	An Điền	Ngân sách	2018
133	Công viên, khu vui chơi giải trí xã Phú An	DKV	0,28		0,28	DHT	thửa 197, tờ 14; thửa 882 tờ 15	Phú An	Ngân sách	2018
134	Đài tưởng niệm liệt sĩ xã Phú An	DKV	0,06		0,06	CLN	tờ số 13 (đất ông Hùng, ông Trãi)	Phú An	Ngân sách	2018
135	Khu công viên vui chơi giải trí phường Thới Hòa	DKV	0,49		0,49	CLN	tờ 41, thửa 158	Thới Hòa	Ngân sách	2018
136	Khu vui chơi giải trí công cộng (di dời các ghế băng phân tán)	DKV	5,96		5,96	NTD	Nghĩa địa rải rác	An Điền	Ngân sách	2018
137	Công trình TBA 110kV Mỹ Phước 2 và đường dây đầu nối	DNL	0,40		0,40	CLN	KCN MP2 thuộc Cty Becamex IDC	Mỹ Phước	Doanh nghiệp	2017
138	Công trình Trạm biến áp 110kV Asendas và đường dây 110kV An Tây - Asendas.	DNL	0,50		0,50		Khu Protrade	An Tây	Doanh nghiệp	2018
139	Công trình Đường dây 110kV từ TBA 220kV Bến Cát - Asendas - An Tây	DNL	0,40		0,40			An Tây	Doanh nghiệp	2018
140	Công trình Trạm biến áp 110kV Mỹ Phước 3 và ĐD đầu nối.	DNL	0,45		0,45		KCN MP 3	Mỹ Phước 3- Mỹ Phước	Doanh nghiệp	2018
141	Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nam BD (mở rộng)	DRA	25,00		25,00	CLN	Tờ bản đồ số 29	Chánh Phú Hòa	Doanh nghiệp	2017
142	Văn phòng ấp Phú Thứ	DSH	0,08		0,08	CLN	thửa đất số 197, tờ bản đồ số 14; thửa đất số 882 tờ bản đồ số 15	Phú An	Doanh nghiệp	2017
143	Văn phòng khu phố 1A - Chánh Phú Hòa	DSH	0,06		0,06	CLN		Chánh Phú Hòa	Doanh nghiệp	2018
144	Văn phòng ấp An Thuận	DSH	0,07		0,07	CLN	tờ số 5 (đất trường Hồ Hảo Hớn)	Phú An	Doanh nghiệp	2018
145	Văn phòng ấp An Mỹ	DSH	0,05		0,05	TSC	01 phần thửa 281, tờ 34, An Điền (đất công)	An Điền	Ngân sách	2018
146	Công trình tuyến kênh sông Thị Tinh	DTL	1,50		1,50	CLN		Mỹ Phước	Ngân sách	2018

STT	Hạng mục	Mã QH	Diện tích (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm		Nguồn vốn	Năm đăng ký kế hoạch
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường		
147	Đập Cây Chay	DTL	16,50		16,50	CLN	Tờ bản đồ số 53, giảm 43,5ha	Mỹ Phước	Ngân sách	2017
148	Quy hoạch khu xử lý nước thải	DTL	7,00		7,00	CLN		Thới Hòa, Mỹ Phước	Doanh nghiệp	2018
149	Khu TDTT kết hợp du lịch nghỉ dưỡng (cánh đồng Cua Đỉnh)	DTT	302,00		302,00	CLN	Khu vực cánh đồng Cua Đỉnh	An Tây	Doanh nghiệp	2017
150	Đài tưởng niệm Bến Cát	DVH	0,40		0,40	SKC	thửa 17, 190 tờ 38	Mỹ Phước	Ngân sách	2017
151	Trung tâm VHTT (Trung tâm VHTT và Dịch vụ công cộng)	DVH	21,00		21,00	CLN	Tờ 24, 25, 32, 33	Mỹ Phước	Ngân sách	2017
152	Khu văn hóa ấp An Sơn	DVH	0,74		0,74	NTD	thửa 43, tờ 42, ấp An Sơn	An Điền	Ngân sách	2018
153	Khu văn hóa ấp Kiến Điền	DVH	0,50		0,50	NTD	ấp Kiến Điền	An Điền	Ngân sách	2018
154	Dự án mở rộng Nghĩa trang công viên Bình Dương (Cty CP ĐTXD CPH)	NTD	100,00		100,00	CLN	Tờ số 26, 27, 28, 33	Chánh Phú Hòa	Doanh nghiệp	2018
155	Mở rộng Nghĩa trang liệt sĩ Bến Cát	NTD	2,00		2,00	CLN	thửa đất số 1429, 115, 921, 891, 1003, 1496, 899, 1428, 116, 1499, 1497, 1498, 1171, 192, 193, 274, 276, 1682, 277, tờ bản đồ 9,	Mỹ phước	Ngân sách	2018
156	Nghĩa trang nhân dân thị xã Bến Cát	NTD	7,20		7,20	CLN	Đất do Cty cao su Dầu Tiếng bàn giao	TX Bến Cát và H.Đầu Tiếng	Ngân sách	2018
157	Khu nhà ở nông thôn An Tây	ONT	30,00		30,00	CLN		An Tây và một phần Thanh Tuyền	Doanh nghiệp	2018
158	Dự án khu đô thị - thương mại - dịch vụ An Tây	ONT	217,00		217,00	CLN	Tờ bản đồ số 12, 16, 17, 19, 20, 21, 24, 25, 26	An Điền, An Tây	Doanh nghiệp	2017
159	Khu tái định cư An Tây - đợt 2	ONT	25,25		25,25	CLN		An Điền	Doanh nghiệp	2018
160	Khu hành chính công cộng xã An Tây	TSC	9,80		9,80	CLN	thửa 635, tờ 09	An Tây	Ngân sách	2018
161	Xây dựng trụ sở Xi nghiệp Công trình công cộng	TSC	0,50		0,50	SKC	Khu phố 2	Mỹ Phước	Ngân sách	2018
162	Đường trục Bắc - Nam nối từ đường lộ 7A vào khu Công nghiệp-Dịch vụ- Đô Thị Riverside	DGT	7,49		7,49	CLN	ấp Tân Lập	An Điền, An Tây	Doanh nghiệp	2.016,00
VI	Huyện Dầu Tiếng	21	31,71	0,00	31,71					
163	Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật đô thị Minh Hòa	DGT	2,00		2,00	CLN	Công trình dạng tuyến	Minh Hòa	Ngân sách	2017
164	Chợ Minh Thạnh	DCH	2,00		2,00	CLN	Minh Thạnh	31	Ngân sách	2018

STT	Hạng mục	Mã QH	Diện tích (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm		Nguồn vốn	Năm đăng ký kế hoạch
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường		
165	Hệ thống thoát nước trên đường ĐT 744	DGT	0,22		0,22	CLN	Thanh Tuyền	Km 23+733; Km 25+399; Km 31+508	Ngân sách	2018
166	Khu di tích chiến khu Long Nguyên	DDT	10,00		10,00	CLN	Long Tân	41	Ngân sách	2018
167	Khu thiết chế văn hóa ấp Định Thọ	DSH	0,10		0,10	SKC	Định Hiệp	1p thửa 23 tờ 20	Ngân sách	2018
168	Khu thiết chế văn hóa ấp Gò Mối	DSH	0,30		0,30	CLN	Thanh Tuyền	16	Ngân sách	2018
169	Khu vui chơi trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	DGD	2,28		2,28	CLN	TT Dầu Tiếng	48, LỒ F	Ngân sách	2018
170	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Bàu Rong	DGT	1,99		1,99	CLN	TT Dầu Tiếng	Tờ 31,32,33	Ngân sách	2018
171	Nghĩa trang nhân dân xã An Lập (Quy hoạch thành nghĩa trang cấp III)	NTĐ	5,65		5,65	CLN	An Lập	60	Ngân sách	2017
172	Nhà văn hóa ấp Hồ Cạn (mở rộng)	DSH	0,23		0,23	DBV	An Lập	56	Doanh nghiệp	2017
173	Nhà văn hóa, khu thiết chế văn hóa ấp Bàu Cây Cắm	DSH	0,50		0,50	CLN	Thanh An	52	Doanh nghiệp	2017
174	Nhà văn hóa, khu thiết chế văn hóa ấp Cà Tông	DSH	0,50		0,50	CLN	Thanh An	54	Doanh nghiệp	2017
175	Nhà văn hóa, khu thiết chế văn hóa ấp Thanh Tân	DSH	0,30		0,30	CLN	Thanh An	55	Doanh nghiệp	2017
176	Trạm biến áp 110kv Thanh An và đường dây Thanh An - Trạm 220kv Bến Cát	DNL	0,70		0,70	CLN	Thanh An		Doanh nghiệp	2017
177	Trường mầm non An Lập	DGD	1,10		1,10	CLN	An Lập	53	Ngân sách	2018
178	Xây dựng đường GTND khu phố 6	DGT	0,40		0,40	CLN	TT Dầu Tiếng	Tờ 30	Ngân sách	2018
179	Nhà văn hóa ấp Đồng Sầm	DSH	0,14		0,14	DGD	Tờ 10	Định An	Ngân sách	Năm 2016
180	Nhà văn hóa ấp An Thới	DSH	0,50		0,50	CLN	Tờ 7	Định An	Ngân sách	Năm 2016
181	Nhà văn hóa, khu thiết chế văn hóa ấp An Phước	DSH	0,50		0,50	CLN	Tờ 30	Định An	Ngân sách	Năm 2016
182	Nhà văn hóa ấp Bàu Dầu	DSH	0,25		0,25	DGD	Tờ 40	Định An	Ngân sách	Năm 2016
183	Mở rộng chợ An Lập	DCH	2,05		2,05	CLN	Tờ 32	An Lập	Ngân sách	Năm 2016
VII	Huyện Phú Giáo	32	541,90		541,90					
184	Mở rộng đường GTNT	DGT	1,00		1,00	CLN	Các tuyến dân hiến chưa thu hồi đất	An Bình	Doanh nghiệp	2018

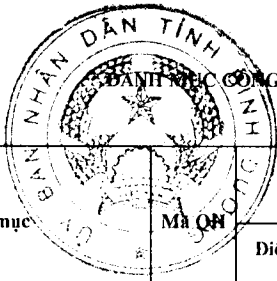
STT	Hạng mục	Mã QH	Diện tích (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm		Nguồn vốn	Năm đăng ký kế hoạch
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường		
185	Mở rộng đường GTNT	DGT	1,20		1,20	CLN	Các tuyến dân hiến chưa thu hồi đất	Phước Hòa	Doanh nghiệp	2018
186	Mở rộng đường GTNT	DGT	0,50		0,50	CLN	Các tuyến dân hiến chưa thu hồi đất	Phước Sang	Doanh nghiệp	2018
187	Mở rộng đường GTNT	DGT	1,00		1,00	CLN	Các tuyến dân hiến chưa thu hồi đất	Tân Hiệp	Doanh nghiệp	2018
188	Mở rộng đường GTNT	DGT	2,50		2,50	CLN	Các tuyến dân hiến chưa thu hồi đất	Phước Vĩnh	Doanh nghiệp	2018
189	Mở rộng đường GTNT	DGT	2,00		2,00	CLN	Các tuyến dân hiến chưa thu hồi đất	Vĩnh Hòa	Doanh nghiệp	2018
190	Mở rộng đường GTNT	DGT	0,80		0,80	CLN	Các tuyến dân hiến chưa thu hồi đất	An Linh	Doanh nghiệp	2018
191	Mở rộng đường GTNT	DGT	0,70		0,70	CLN	Các tuyến dân hiến chưa thu hồi đất	An Long	Doanh nghiệp	2018
192	Mở rộng đường GTNT	DGT	1,00		1,00	CLN	Các tuyến dân hiến chưa thu hồi đất	Tân Long	Doanh nghiệp	2018
193	Mở rộng đường GTNT	DGT	1,50		1,50	CLN	Các tuyến dân hiến chưa thu hồi đất	Tam Lập	Doanh nghiệp	2018
194	Mở rộng đường GTNT	DGT	0,50		0,50	CLN	Các tuyến dân hiến chưa thu hồi đất	An Thái	Doanh nghiệp	2018
195	Đường tạo lực Tân Uyên- Phú Giáo- Bàu Bàng	DGT	90,00		90,00	CLN+HNK	Dã phóng tuyến trên BD	An Bình, Vĩnh Hòa, Tam Lập	Ngân sách	2017
196	Đường ĐH-512	DGT	9,50		9,50	CLN	Tờ 23,51,38 (Vĩnh Hòa); tờ 29,27 (Tân Hiệp)	Tân Hiệp, Vĩnh Hòa	Ngân sách	2017
197	Nâng cấp, mở rộng ĐH 519	DGT	8,40		8,40	CLN+HNK	Tờ 1, 2, 3, 20,21	Phước Sang	Ngân sách	2017
198	Nâng cấp, mở rộng ĐH 518	DGT	4,40		4,40	CLN		An Bình	Ngân sách	2017
199	Nâng cấp ĐH 517(mở rộng)	DGT	5,70		5,70	CLN		Tân Long	Ngân sách	2017
200	Trụ sở văn phòng ấp Cà Na	DSH	0,31		0,31	CLN	Thửa 267 Tờ 16	An Bình	Ngân sách	2017
201	Trụ sở văn phòng ấp Bàu Trư	DSH	0,21		0,21	CLN	Thửa 395 Tờ 66	An Bình	Ngân sách	2017
202	Trụ sở văn phòng ấp Bình Tiến	DSH	0,22		0,22	CLN	Thửa 695 Tờ 33	An Bình	Ngân sách	2017
203	Trụ sở văn phòng ấp Bình Hòa	DSH	0,32		0,32	CLN	Thửa 77 Tờ 18	An Bình	Ngân sách	2017
204	Trụ sở văn phòng ấp Bình Thắng	DSH	0,22		0,22	CLN	Thửa 100 Tờ 69	An Bình	Ngân sách	2017
205	Trụ sở văn phòng ấp Rạch Châm	DSH	0,33		0,33	DGD	Thửa 475 Tờ 26	An Bình	Ngân sách	2017

STT	Hạng mục	Mã QH	Diện tích (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm		Nguồn vốn	Năm đăng ký kế hoạch
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường		
206	Đền bù, giải tỏa khu đất phía sau Trụ sở Ủy ban huyện ủy và phía sau trụ sở Khối văn phòng huyện ủy Phú Giáo (Đất xây dựng Hội trường huyện ủy Phú Giáo)	TSC	1,00		1,00	ODT	Tờ 8	Phước Vĩnh	Ngân sách	2018
207	Đường Trần Quang Diệu nối dài (từ đường Bồ Mua đi đường Quang Trung)	DGT	2,00		2,00	CLN	Tờ 38,44	Phước Vĩnh	Ngân sách	2018
208	Đường Trần Hưng Đạo nối dài (từ đường Trần Hưng Đạo đi ĐH 506)	DGT	1,50		1,50	CLN	Tờ 45,46 (PV); Tờ 10 (VH)	Phước Vĩnh, Vĩnh Hòa	Ngân sách	2018
209	Mở rộng đường Công Triết	DGT	5,10		5,10	CLN	Tờ 20, 12, 17, 26, 27	Tân Hiệp	Ngân sách	2018
210	Bến xe huyện Phú Giáo	DGT	2,00		2,00	CLN	Khu phố 4	Phước Vĩnh	Ngân sách	2017
211	Khu liên hợp xử lý chất rắn	DRA	397,37		397,37	CLN	tờ 31	Tân Long	Doanh nghiệp	2018
212	Đất UBND thị trấn quản lý (thu hồi đất trạm điện)	TSC	0,25		0,25	DNL	Thửa 02 tờ 28	Phước Vĩnh	Ngân sách	2018
213	Đất trường Mầm non giao về cho ủy ban xã quản lý, sử dụng	TSC	0,16		0,16	DGD	Thửa 109 tờ 26	An Linh	Ngân sách	2017
214	Đất trường Mầm non giao về cho ủy ban xã quản lý, sử dụng	TSC	0,08		0,08	DGD	Thửa 55 tờ 13	Tân Long	Ngân sách	2017
215	Trường tiểu học giao về cho ủy ban xã quản lý, sử dụng	TSC	0,13		0,13	DGD	Thửa 397 tờ 13	Tân Long	Ngân sách	2017
VIII	Huyện Bàu Bàng	40	95,48	0,00	95,48					
216	Chợ Tân Hưng	DCH	0,50		0,50	CLN	Thửa 134, Tờ bản đồ 25	Tân Hưng	Doanh nghiệp	2015
217	Khu VHTT xã Tân Hưng	DVH	1,82		1,82	CLN	Tờ bản đồ 25	Tân Hưng	Ngân sách	2016
218	Trung tâm y tế huyện Bàu Bàng	DYT	3,43		3,43	CLN	Tờ bản đồ 41	Lai Uyên	Ngân sách	2016
219	Trường THPT Bàu Bàng	DGD	1,41		1,41	CLN	Tờ bản đồ 56	Lai Uyên	Ngân sách	2018
220	Trường mầm non Ánh Dương	DGD	1,71		1,71	CLN	Tờ bản đồ 54	Lai Uyên	Ngân sách	2017
221	Trường mầm non Sao Mai	DGD	0,41		0,41	CLN	Tờ bản đồ 7	Long Nguyên	Ngân sách	2017
222	Đường nhựa Long Nguyên - Long Tân (ĐH 615)	DGT	1,00		1,00	CLN	Tờ bản đồ 56	Long Nguyên	Ngân sách	2018
223	Đường tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng (đoạn từ ĐT 750 đến KCN Bàu Bàng)	DGT	45,60		45,60	CLN	0	Lai Uyên	Doanh nghiệp	2018
224	Đường giao thông nông thôn ấp Hồ Muôn	DGT	2,40		2,40	CLN	Lô 40,51,52	Long Nguyên	Ngân sách	2018
225	Đường giao thông nông thôn ấp Long Thành	DGT	2,40		2,40	CLN	Lô 59,60,61,43,54	Long Nguyên	Ngân sách	2018
226	Đường giao thông ấp Hồ Muôn	DGT	0,88		0,88	CLN	Đường nhà Ô.Bằng --> nhà Ô.Sơn	Long Nguyên	Ngân sách	2017

STT	Hạng mục	Mã QH	Diện tích (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm		Nguồn vốn	Năm đăng ký kế hoạch
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường		
227	Đường GT tuyến ông Hoàng - cầu Bến Than	DGT	1,50		1,50	CLN	Tờ bản đồ 20	Cây Trường 2	Ngân sách	2017
228	Công trình các lộ ra 110kV trạm biến áp 220kV Bến Cát	DNL	0,30		0,30	CLN	Tờ bản đồ 34, 25, 22, 15, 11, 10, 40, 37	Lai Hưng	Doanh nghiệp	2017
229	Vấn phòng áp Bàu Bàng	DSH	0,05		0,05	CLN	Tờ bản đồ 40	Lai Uyên	Ngân sách	2017
230	Nhà văn hóa và Hội trường ấp 3	DVH	0,32		0,32	DGD	Thửa 59, Tờ bản đồ 13	Trừ Văn Thố	Ngân sách	2018
231	Khu di tích lịch sử Dinh Điền 2	DVH	0,12		0,12	CLN	Thửa 52, Tờ bản đồ 13	Trừ Văn Thố	Ngân sách	2017
232	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân xã Hưng Hòa	TSC	0,11		0,11	DYT	Thửa 69, Tờ bản đồ 18	Hưng Hòa	Ngân sách	2018
233	Trường Tiểu học Kim Đồng	DGD	1,60		1,60	CLN	Tờ bản đồ 48	Lai Hưng	Ngân sách	2018
234	Trường tiểu học Bàu Bàng	DGD	1,60		1,60	CLN	Thửa 989, Tờ bản đồ 56	Lai Uyên	Ngân sách	2018
235	Đường giao thông	DGT	0,02		0,02	CLN	Một phần thửa số 5, Tờ bản đồ 14	Lai Uyên	Doanh nghiệp	2018
236	Đường tổ 7, ấp Cây Sắn (Nhà ông Ôn đến nhà ông Tính) (gần nhà anh Tuấn)	DGT	0,88		0,88	CLN	Tờ bản đồ 16, 17, 23	Lai Uyên	Doanh nghiệp	2018
237	Đường liên ấp Xà Mách -- Cây Sắn (Nhà ông Út Dân đến nhà ông 6 Bảo) (đường nhựa UB gần nhà anh Thành)	DGT	0,24		0,24	CLN	Tờ bản đồ 14	Lai Uyên	Doanh nghiệp	2018
238	Đường Tổ 6 ấp Bàu Lông (Nhà bà 6 Bình Long đến nhà ông Lễ)	DGT	0,19		0,19	CLN	Tờ bản đồ 4	Lai Uyên	Doanh nghiệp	2018
239	Đường Tổ 3 ấp Đồng Chèo (VP ấp Đồng Chèo đến giáp đường lộ Nông trường Cao su Lai Uyên)	DGT	0,57		0,57	CLN	Tờ bản đồ 38	Lai Uyên	Doanh nghiệp	2018
240	Đường Tổ 01 ấp Đồng Sỏ (QL13 đến đất nhà ông Mí và giáp đường giao thông nông thôn 6m) đường vô nghĩa địa	DGT	0,24		0,24	CLN	Tờ bản đồ 43	Lai Uyên	Doanh nghiệp	2018
241	Đường tổ 4, 5 ấp Nhà Mát	DGT	2,20		2,20	CLN	Đường nhà Ô.Bảo --> nhà bà Lài	Long Nguyên	Ngân sách	2017
242	Công trình trạm biến áp 110kV Bàu Bàng và đường dây 110kV Bàu Bàng - trạm 220 kV Bến Cát	DNL	0,70		0,70	CLN	KCN và đô thị Bàu Bàng thuộc tổng công ty BECAMEX IDC	Lai Hưng, Lai Uyên	Doanh nghiệp	2018
243	Công trình trạm biến áp 110kV Bàu Bàng 2 và đường dây đấu nối	DNL	0,70		0,70	CLN	KCN và đô thị Bàu Bàng thuộc tổng công ty BECAMEX IDC	Lai Hưng	Doanh nghiệp	2018
244	Nhánh rẽ TBA 110kV Bàu Bàng	DNL	0,20		0,20	CLN	KCN và đô thị Bàu Bàng thuộc tổng công ty BECAMEX IDC	Lai Hưng	Doanh nghiệp	2017
245	Nhánh rẽ đầu nối TBA 110kV Far Eastern	DNL	0,35		0,35	CLN	KCN và đô thị Bàu Bàng thuộc tổng công ty BECAMEX IDC	Lai Hưng	Doanh nghiệp	2017

STT		Mã QH	Diện tích (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm		Nguồn vốn	Năm đăng ký kế hoạch
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường		
246	Công trình TBA 110kV Lai Hưng và đường dây dẫn nối	DNL	0,40		0,40	CLN	KCN và đô thị Bàu Bàng thuộc tổng công ty BECAMEX IDC	Lai Hưng	Doanh nghiệp	2017
247	Công trình đường dây 110kV từ trạm 220kV Bến Cát đến trạm 220kV Chơn Thành	DNL	1,00		1,00	CLN	KCN và đô thị Bàu Bàng thuộc tổng công ty BECAMEX IDC	Lai Hưng, Lai Uyên, Trừ Văn Thố	Doanh nghiệp	2017
248	Công trình TBA 110kV Thanh An và đường dây 110kV Thanh An - trạm 220kV Bến Cát	DNL	0,90		0,90	CLN	Công trình dạng tuyến	Lai Hưng	Doanh nghiệp	2017
249	Văn phòng ấp Đồng Chèo	DSH	0,30		0,30	CLN	Một phần thửa 87, Tờ bản đồ 38	Lai Uyên	Ngân sách	2017
250	Trung tâm VH TT huyện Bàu Bàng	DVH	4,00		4,00	CLN	Một phần thửa 5905, Tờ bản đồ 42	Lai Uyên	Ngân sách	2018
251	Trung tâm văn hóa thể thao (Liên đoàn lao động Tỉnh)	DVH	3,00		3,00	CLN	Một phần thửa 5905, Tờ bản đồ 42	Lai Uyên	Ngân sách	2018
252	Trung tâm văn hóa TT. Lai Uyên	DVH	2,00		2,00	CLN	Một phần thửa số 5, Tờ bản đồ 6, 26	Lai Uyên	Ngân sách	2017
253	Trung tâm văn hóa xã Lai Hưng	DVH	5,92		5,92	CLN	Một phần thửa 38, Tờ bản đồ 40	Lai Hưng	Ngân sách	2017
254	Công viên văn hóa nghĩa trang huyện Bàu Bàng	NTD	3,00		3,00	CLN	1 phần thửa 5905, tờ bản đồ 41	Lai Hưng	Ngân sách	2018
255	Đất nghĩa địa cũ	NTD	1,50		1,50	CLN	Thửa 11, Tờ bản đồ 73	Long Nguyên	Ngân sách	2017
IX	Huyện Bắc Tân Uyên	8	634,81	0,00	634,81					
256	Trường THPT Lê Lợi	DGD	3,00		3,00	CLN	1pt số 5 tờ 37	Tân Thành	Ngân sách	2018
257	Khu mở rộng Trung tâm hành chính huyện	TMD	544,50		544,50	CLN, ONT	Tờ 31, 27, 28, 37,30, 24, 25, 26	Tân Thành	Ngân sách	2018
258	Xây dựng Đài tưởng niệm liệt sỹ huyện Bắc Tân Uyên	DDT	1,51		1,51	CLN	1 phần thửa đất số 66 tờ bản đồ số 37	Đất Cuốc	Ngân sách	2018
259	Đường tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng	DGT	84,00		84,00	CLN	Đoạn từ Tân Định - Tân Thành	Tân Định, Tân Thành,	Ngân sách	2017
260	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 747a đoạn từ đốc Bà Nghia đến ngã ba Công Xanh (mở rộng Cầu Bình Cơ)	DGT	0,50		0,50	CLN	Thửa số 10, 11, 12, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 24 tờ 69; thửa 450 tờ 66	Bình Mỹ	Ngân sách	2017
261	Trạm biến áp 110kV Thường Tân và đường dây 110kV Uyên Hưng - Thường Tân	DNL	0,50		0,50	CLN	1 phần thửa đất số 186, tờ bản đồ số 09	Tân Mỹ	Doanh nghiệp	2017
262	Trạm biến áp 110kV Tân Thành và đường dây 110kV Đất Cuốc - Tân Thành	DNL	0,40		0,40	CLN	1 phần thửa đất số 16, tờ bản đồ số 31	Tân Thành	Doanh nghiệp	2017
263	TBA 110kV Công Xanh và đường dây đầu nối	DNL	0,40		0,40	CLN	KCN Tân Bình	Tân Bình	Doanh nghiệp	2017
B	CÔNG TRÌNH CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA	3	6,04	0,00	6,04					
1	Doanh nghiệp Huỳnh Tăng Việt	SKC	0,94		0,94		Tờ bản đồ số 1, 2, 3	Thái Hòa	Doanh nghiệp	

STT	Hạng mục	Mã QH	Diện tích (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm		Nguồn vốn	Năm đăng ký kế hoạch
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường		
2	Doanh nghiệp Dương Thị Tú Trinh	SKC	3,10		3,10	CLN	Tờ bản đồ số 1, 2, 3	Thái Hòa	Doanh nghiệp	Nghị quyết 14
3	Mở rộng khu chế biến mỏ đá Thường Tân - Công ty cổ phần Đá Hoa Tân An	SKC	0,70		0,70		591, 587, 586, 588, 589, 590, 870, 23, 22, 55, 54 (tờ bản đồ 31, 25)	Thường Tân	Doanh nghiệp	
		SKC	1,30		1,30		52, 49, 48, 135, 131, 134, 406, 282, 281, 280, 431, 279, 278 (tờ bản đồ 31)		Doanh nghiệp	
	TỔNG SỐ	266	2.651,40	22,37	2.629,03					



PHỤ LỤC 2B
CÔNG TRÌNH DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP CÓ THAY ĐỔI QUY MÔ DIỆN TÍCH, VỊ TRÍ TRONG NĂM 2019 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH DƯƠNG
 (Ban hành kèm theo Tờ trình số 5365/TTr-UBND ngày 04/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Hạng mục	Mã QH	Trước điều chỉnh				Sau điều chỉnh				Chênh lệch
			Diện tích thu hồi (ha)	Vị trí: Số tờ, số thửa	Phường, xã	Đăng ký kế hoạch	Diện tích (ha)	Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường	Nguồn vốn	
I	Thành phố Thủ Dầu Một	5	24,59				7,00				17,59
1	Trường THCS Phú Hòa 2	DGD	3,24	Tờ bản đồ 58, 59	Phú Hòa	2015	0,65	Tờ bản đồ 58, 59	Phú Hòa	Ngân sách	2,59
2	Đường Nguyễn Văn Lộng	DGT	1,66	Từ Đại lộ BD đến Huỳnh Văn Cù	Chánh Mỹ	2015	0,50	Từ Đại lộ BD đến Huỳnh Văn Cù	Chánh Mỹ	Ngân sách	1,16
3	Mở rộng đường Trần Văn Ôn	DGT	0,92	Từ đường Phú Lợi đến Đại lộ Bình Dương	Phú Hòa	2015	0,20	Từ đường Phú Lợi đến Đại lộ Bình Dương	Phú Hòa	Ngân sách	0,72
4	Đường 30/4-Trần Văn Ôn (đường N8)	DGT	0,43	Đường 30/4 -Trần Văn Ôn (KP6 Phú Hòa)	Phú Hòa	2015	0,31	Đường 30/4 -Trần Văn Ôn (KP6 Phú Hòa)	Phú Hòa	Ngân sách	0,12
5	Khu dân cư Phú Thuận	ODT	18,34		Phú Lợi	2017	5,34		Phú Lợi	Doanh nghiệp	13,00
II	Thị xã Thuận An	12	25,76				12,57				13,38
6	Kiên cố, cải tạo Rạch Cầu Đình	DTL	0,67	Tờ bản đồ số: DC 2-2; DC 2-7	Lái Thiêu	2017	0,54	Tờ bản đồ số: DC 2-2; DC 2-7	Lái Thiêu	Ngân sách	0,13
7	Bồi thường giải phóng mặt bằng ven sông Sài Gòn	DVH	6,97	Từ phường Lái Thiêu theo đường Ven sông Sài Gòn kéo dài đến Rạch Bình Nhâm	Lái Thiêu, Bình Nhâm	2017	2,17	Từ phường Lái Thiêu theo đường Ven sông Sài Gòn kéo dài đến Rạch Bình Nhâm	Lái Thiêu, Bình Nhâm	Ngân sách	4,80
8	Khu trung tâm văn hoá phường Hưng Định	DVH	2,66	Thửa đất số 184,186,188,182,181,185,195,194,196,197,198,200,199,239,241,242,253,240,238,237,187,143,145,144,146,187 Tờ DC 3	Hưng Định	2018	0,26	Thửa đất số 184,186,188,182,181,185,195,194,196,197,198,200,199,239,241,242,253,240,238,237,187,143,145,144,146,187 Tờ DC 3	Hưng Định	Ngân sách	2,40
9	Đường Thuận Giao 25	DGT	1,54	Từ Thuận Giao 21 đến đường Thuận An Hoà	Thuận Giao	2017	0,77	Từ Thuận Giao 21 đến đường Thuận An Hoà	Thuận Giao	Ngân sách	0,77
10	Nâng cấp, cải tạo, mở rộng quốc lộ 13 (đoạn từ điểm giao cầu Vĩnh Phú đến nút giao ngã tư Lê Hồng Phong) (đổi tên)	DGT	3,02	Dạng tuyến	An Thạnh, Bình Hòa, Hưng Định, Lái Thiêu, Thuận Giao, Vĩnh Phú	2017	3,02	Dạng tuyến	An Thạnh, Bình Hòa, Hưng Định, Lái Thiêu, Thuận Giao, Vĩnh Phú	Ngân sách	
11	Trường Tiểu học Tuy An	DGD	1,53	Thửa đất số 215 Tờ bản đồ số DC17-6	An Phú	2017	0,03	Thửa đất số 215 Tờ bản đồ số DC17-6	An Phú	Ngân sách	1,50
12	Trường Mầm non Hoa Cúc 10	DGD	0,82	Thửa đất số 152 Tờ bản đồ số DC 90 (B2)	An Phú	2017	0,12	Thửa đất số 152 Tờ bản đồ số DC 90 (B2)	An Phú	Ngân sách	0,70

STT	Hạng mục	Mã QH	Trước điều chỉnh				Sau điều chỉnh				Chênh lệch
			Diện tích thu hồi (ha)	Vị trí: Số tờ, số thửa	Phường, xã	đăng ký kế hoạch	Diện tích (ha)	Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường	Nguồn vốn	
13	Trường tiểu học An Phú 2	DGD	1,30	Thửa đất số 649,650,651 Tờ bản đồ số 212	An Phú	2018	0,13	Thửa đất số 649,650,651 Tờ bản đồ số 212	An Phú	Ngân sách	1,17
14	Trường THPT Bình Hoà	DGD	1,60	Thửa đất số 18, 53, 338, 340, 341, 178, 179, 359, 995, 996, 1073-1075 Tờ bản đồ số DC 10 (E3)	Bình Hoà	2017	1,28	Thửa đất số 18, 53, 338, 340, 341, 178, 179, 359, 995, 996, 1073-1075 Tờ bản đồ số DC 10 (E3)	Bình Hoà	Ngân sách	0,32
15	Trường Tiểu học Lê Thị Trung (đổi vị trí khu đất)	DGD	2,60	Thửa đất số 7002, 1793, 1792, 1791, 1529, 1530, 73, 72, 1665, 37, 6, 36, 1720, 1721, 1797, 1796, 1794, 297, 1860, 235, 781, 39, 238, 305, 3001, 491 Tờ bản đồ số DC152	Bình Chuẩn	2017	2,79	Thửa đất số 7002, 1793, 1792, 1791, 1529, 1530, 73, 72, 1665, 37, 6, 36, 1720, 1721, 1797, 1796, 1794, 297, 1860, 235, 781, 39, 238, 305, 3001, 491 Tờ bản đồ số DC152	Bình Chuẩn	Ngân sách	
16	Trường Tiểu học Hưng Lộc	DGD	2,35	Thửa đất số 45, 483 Tờ bản đồ số DC4 (B3)	Hưng Định	2017	1,18	Thửa đất số 45, 483 Tờ bản đồ số DC4 (B3)	Hưng Định	Ngân sách	1,17
17	Đường PKV 19 (Đường vào trường TH Trần Quốc Toản 2)	DGT	0,70	Đầu tuyến giáp đường Phan Thanh Giản, cuối tuyến giáp đường nhà thờ Lái Thiêu.	Lái Thiêu	2016	0,28	Đầu tuyến giáp đường Phan Thanh Giản, cuối tuyến giáp đường nhà thờ Lái Thiêu.	Lái Thiêu	Ngân sách	0,42
III	Thị xã Bến Cát	8	82,64				53,27				-29,37
18	Giao lộ ngã tư Phú Thứ	DGT	3,49	1 phần tờ bản đồ số 14,15, 22, 23	Phú An	2015	2,50	1 phần tờ bản đồ số 14,15, 22, 23	Phú An	Ngân sách	-0,99
19	Nâng cấp, mở rộng đường từ Kho bạc Bến Cát đến Cầu Quan (Nâng cấp mở rộng Cầu Quan)	DGT	0,43	Tờ bản đồ số 21	Mỹ Phước	2015	0,43	Tờ bản đồ số 21	Mỹ Phước	Ngân sách	0,00
20	Đường Gò Cao Cáo	DGT	2,80	Tờ bản đồ số 21	Tân Định	2016	2,60	Tờ bản đồ số 21	Tân Định	Ngân sách	-0,20
21	Đường tạo lực Mỹ Phước - Bàu Bàng	DGT	29,09	Công trình dạng tuyến	Chánh Phú Hòa	2016	14,00	Công trình dạng tuyến	Chánh Phú Hòa	Ngân sách	-15,09
22	Hệ thống thoát nước bên ngoài các KCN An Tây, Mai Trung, Việt Hương 2 (thoát nước bên ngoài ra sông Sài Gòn)	DTL	14,58	Tờ bản đồ số 30, 31	An Điền, An Tây	2015	10,00	Tờ bản đồ số 30, 31	An Điền, An Tây	Ngân sách	-4,58
23	Tuyến ống dẫn nước thô từ Hồ Phước Hòa về khu vực Trung tâm đô thị Bình Dương	DTL	3,10	Tờ bản đồ số 32	Chánh Phú Hòa	2016	1,00	Tờ bản đồ số 32	Chánh Phú Hòa	Ngân sách	-2,10
24	Dự án bồi thường hỗ trợ và tái định cư đường Mỹ Phước Tân Vạn nối dài về hướng KCN Mỹ Phước 2, 3	ODT	25,41	Tờ bản đồ số 7, 18, 23, 27	Tân Định	2016	20,00	Tờ bản đồ số 7, 18, 23, 27	Tân Định	Ngân sách	-5,41
25	Tái định cư xã Phú An (Khu công trình công cộng và tái định cư xã Phú An)	ONT	3,74	Thửa đất số 171, tờ bản đồ số 1	Phú An	2016	2,74	Thửa đất số 171, tờ bản đồ số 1	Phú An	Ngân sách	-1,00

STT	Hạng mục	Trước điều chỉnh				Sau điều chỉnh				Chênh lệch
		Diện tích thu hồi (ha)	Vị trí: Số tờ, số thửa	Phường, xã	đăng ký kế hoạch	Diện tích (ha)	Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường	Nguồn vốn	
IV	Huyện Dầu Tiếng	17,71				2,19				16,17
26	Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật đô thị Long Hòa	5,16	Công trình dạng tuyến	Long Hòa	2017	0,04	Công trình dạng tuyến	Long Hòa	Ngân sách	5,12
27	Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật đô thị Bến Súc	6,20	Công trình dạng tuyến	Thanh Tuyền	2017	1,00	Công trình dạng tuyến	Thanh Tuyền	Ngân sách	5,20
28	Mở rộng ngã tư Minh Hòa	3,95	Tờ 9,12	Minh Hòa	2017	0,65	Tờ 9,12	Minh Hòa	Ngân sách	3,95
29	Mở rộng đường từ trước Huyện ủy đến đường vành đai đường Cách Mạng Tháng Tám	2,40	Dầu Tiếng	TT Dầu Tiếng	2016	0,50	Dầu Tiếng	TT Dầu Tiếng	Ngân sách	1,90
V	Huyện Bầu Bàng	1				7,83				-83,47
30	Các công trình thuộc TTHC huyện Bầu Bàng	91,30	Tờ bản đồ số 56	Lai Uyên	2016	7,83				-83,47
-	Hội trường Huyện, nhà ăn Huyện ủy	TSC				4,00	Tờ bản đồ 56	Lai Uyên	Ngân sách	
-	Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng	TSC				0,50	Tờ bản đồ 56	Lai Uyên	Ngân sách	
-	Trụ sở Chi cục thi hành án dân sự	TSC				0,21	Tờ bản đồ 56	Lai Uyên	Ngân sách	
-	Trụ sở Viện KSND huyện Bầu Bàng	TSC				0,27	Tờ bản đồ 56	Lai Uyên	Ngân sách	
-	Trụ sở Kho bạc nhà nước Bầu Bàng	TSC				0,35	Tờ bản đồ 56	Lai Uyên	Ngân sách	
-	Trụ sở Chi cục thuế huyện Bầu Bàng	TSC				0,21	Tờ bản đồ 56	Lai Uyên	Ngân sách	
-	Trụ sở Trạm thú y, Trạm bảo vệ thực vật, Trạm khuyến nông	TSC				0,21	Tờ bản đồ 56	Lai Uyên	Ngân sách	
-	Trụ sở Chi cục thống kê	TSC				0,21	Tờ bản đồ 56	Lai Uyên	Ngân sách	
-	Trụ sở Đài truyền thanh	TSC				0,21	Tờ bản đồ 56	Lai Uyên	Ngân sách	
-	Trụ sở Đội quản lý thị trường	TSC				0,21	Tờ bản đồ 56	Lai Uyên	Ngân sách	
-	Trụ sở Bảo hiểm xã hội	TSC				0,21	Tờ bản đồ 56	Lai Uyên	Ngân sách	
-	Trụ sở Trung tâm bồi dưỡng lý luận chính trị	TSC				0,42	Tờ bản đồ 56	Lai Uyên	Ngân sách	
-	Trụ sở Trung tâm lưu trữ	TSC				0,22	Tờ bản đồ 56	Lai Uyên	Ngân sách	
-	Xí nghiệp công trình công cộng	TSC				0,61	Tờ bản đồ 41	Lai Uyên	Ngân sách	
VI	Huyện Bắc Tân Uyên	5				110,84				10,67

STT	Hạng mục	Mã QH	Trước điều chỉnh				Sau điều chỉnh				Chênh lệch
			Diện tích thu hồi (ha)	Vị trí: Số tờ, số thửa	Phường, xã	đăng ký kế hoạch	Diện tích (ha)	Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường	Nguồn vốn	
31	Đường Thủ Biên - Đất Cuốc	DGT	70,86	Tờ bản số 28, 27, 19, 9, 10, 34 xã Thường Tân; tờ 52, 61, 12, 51, 40, 8, 9, 10, 4, 62 xã Tân Mỹ	Thường Tân, Tân Mỹ	2017	79,60	Tờ bản số 28, 27, 19, 9, 10, 34 xã Thường Tân; tờ 52, 61, 12, 51, 40, 8, 9, 10, 4, 62 xã Tân Mỹ	Thường Tân, Tân Mỹ	Ngân sách	8,74
32	Nâng cấp mở rộng đường DT747a đoạn từ dốc Bà Nghĩa đến ngã ba Công Xanh (Nút giao đường DT742 và DT747a) (đầu tư cải tạo nút giao thông tại giao lộ giữa đường DT.747, DT 742, đường Tân Bình 39 và Tân Bình 41)	DGT	0,06	Một phần thửa số 270, tờ bản đồ số 14	Tân Bình	2017	2,50	Thuộc tờ bản đồ số: 14, 18	Tân Bình	Ngân sách	2,44
33	Công trình Đường dây 110kV Phú Giáo – TBA 220kV Uyên Hưng	DNL	0,50	Bình Mỹ, Tân Lập	Bình Mỹ, Tân Lập	2018	0,15	Bình Mỹ (0,11), Tân Lập (0,04)	Bình Mỹ, Tân Lập	Doanh nghiệp	-0,35
34	Khu tái định cư huyện Bắc Tân Uyên	ONT	25,90	Thửa đất số 31, 32, 33, 34, 35, 36, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, tờ bản đồ số 30	Đất Cuốc	2017	24,90	Thửa đất số 31, 32, 33, 34, 35, 36, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, tờ bản đồ số 30	Đất Cuốc	Ngân sách	-1,00
35	Trung tâm văn hóa xã Lạc An	DVH	2,85	Thửa 673, 596, 680, 678, 593, 594, 585, 586, 587, 590, 592, 591, 589, 588; 1 phần thửa 687, 686, 685, 684, 681, 688, 667, 669, 671, 672, 670, 599, 598, 597, 677, 675, 676, 595, 584, 400 tờ 27 ; Thửa đất số 354, 1 phần thửa 142, 396, 127, 123, 353 tờ 11	Lạc An	2016	3,69	Thửa 303, 340, tờ 32	Lạc An	Ngân sách	0,84
TỔNG SỐ		35	342,17				193,70				



PHỤ LỤC 3
CÔNG TRÌNH KHÔNG THỰC HIỆN THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2019
 (Ban hành kèm theo Tờ trình số 5365/TTTr-UBND ngày 07/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Hạng mục	Mã QH	Diện tích (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm		Nguồn vốn	Năm đăng ký kế hoạch
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường		
A	CÁC CÔNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG ĐĂNG KÝ LOẠI BỎ	52	185,62	3,22	182,40					
I	Thành phố Thủ Dầu Một	6	6,07	0,00	6,07					
1	Xây mới trường trường học	DGD	1,50		1,50	NTD	Dự án Trường Cao đẳng Đông Nam cũ	Tương Bình Hiệp	Doanh nghiệp	2017
2	Trường mầm non Hòa Mi	DGD	0,67		0,67	NTD	Khu đất nghĩa địa cũ	Phú Thọ	Ngân sách	2017
3	Khu Tái định cư Tương Bình Hiệp (Dự án Trường Cao đẳng Đông Nam cũ)	ODT	2,00		2,00	NTD	Dự án Trường Cao đẳng Đông Nam cũ	Tương Bình Hiệp	Doanh nghiệp	2017
4	Khu đất thu hồi của DN tư nhân DV TM Hải Long	TMD	0,60		0,60	SKC	Tờ 40-2; thửa 105	Phú Hòa	Ngân sách	2017
5	Trung tâm Lưu trữ tập trung	TSC	0,90		0,90	DVH	Tờ 109 thửa 12	Hòa Phú	Ngân sách	2017
6	Trụ sở Cục Thi hành án dân sự tỉnh	TSC	0,40		0,40	DGD	Tờ 109 thửa 12	Hòa Phú	Ngân sách	2017
II	Thị xã Dĩ An	2	0,55	0,00	0,55					
7	Trạm biến áp 110kV Đông Hoà và đường dây đầu nối	DNL	0,31		0,31	HNK	Công trình dạng tuyến	Đông Hòa	Doanh nghiệp	2017
8	Mở rộng chợ Nội Hóa	DCH	0,24		0,24	ODT, DGT, HNK	DC.32	Bình An	Doanh nghiệp	2017
III	Thị xã Tân Uyên	2	0,22	0,02	0,20					
9	Văn phòng khu phố Cây Da	DSH	0,15	0,02	0,13	LUA	Thửa 1240, tờ 9	Thanh Phước	Ngân sách	2016
10	Trạm viễn thông Bạch Đằng	DBV	0,07		0,07	HNK	Thửa 701, tờ 5	Bạch Đằng	Doanh nghiệp	2017
IV	Thị xã Bến Cát	24	8,65	2,98	5,67					
11	Trường mầm non Chánh Phú Hòa	DGD	1,13		1,13	DGD	1 phần thửa đất số 2934, tờ bản đồ số 9	Chánh Phú Hòa	Xổ số kiến thiết	2015
12	XD mới trụ sở, hội trường Trung tâm bồi dưỡng Chính trị	DGD	0,92		0,92	ODT	Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 34	Mỹ Phước	Xổ số kiến thiết	2015
13	Nâng cấp bê tông nhựa nóng đường từ nhà ông Hồ Văn Minh - giáp khu tái định cư phường Hòa Phú, Thủ Dầu Một	DGT	0,30		0,30	CLN	Công trình dạng tuyến	Hòa Lợi	Ngân sách	2018

14	Tuyến đường từ nhà ông Năm Bao (giáp đường qua Vĩnh Tân) – nhà ông Lăng và nhánh rẽ giáp đường ĐT 741, kp3	DGT	0,53	0,30	0,23	CLN	khu phố 3	Chánh Phú Hòa	Ngân sách	2017
15	Nâng cấp đường từ ĐT748 - nhà bà Sáu Anh	DGT	0,30	0,25	0,05	CLN	ấp An Mỹ	An Điền	Doanh nghiệp	2018
16	Nâng cấp đường Đội 2 (An Tây)	DGT	0,89	0,74	0,15	CLN		An Tây	Ngân sách	2018
17	Nâng cấp đường từ nhà ông Sang - đường DB4	DGT	0,03		0,03	CLN	tờ 59	Mỹ Phước	Ngân sách	2018
18	Nâng cấp đường từ ĐX-30 (nhà Bà Thoa, ông Thành, liên ấp Phú Thứ - Phú Thuận)	DGT	0,87	0,50	0,37	CLN	ấp Phú Thứ	Phú An	Doanh nghiệp	2018
19	Nâng cấp đường BTNN đường ĐT744 (ông sáu Dây) - ĐH 609 (bà tám Xiêm), xã Phú An.	DGT	1,00	0,60	0,40	CLN		Phú An	Ngân sách	2018
20	Nâng cấp đường từ nhà ông Lớn - nhà ông Bền	DGT	0,08		0,08	CLN	tờ 08	Mỹ Phước	Ngân sách	2018
21	Nâng cấp đường từ VP KP Bến Đồn - giáp KP 4	DGT	0,42	0,35	0,07	CLN	Khu phố Bến Đồn	Hòa Lợi	Ngân sách	2018
22	Đường BTNN từ bà Mẹo - bà Oanh	DGT	0,15		0,15	CLN	Công trình dạng tuyến	Phú An	Xã hội hóa	2018
23	Đường BTNN từ bà Tám - bà Nhung	DGT	0,12		0,12	CLN	Công trình dạng tuyến	Phú An	Xã hội hóa	2018
24	Đường BTNN từ bà Tư Mách - ông Út Thọ	DGT	0,13		0,13	CLN	Công trình dạng tuyến	Phú An	Xã hội hóa	2018
25	Đường BTNN từ ông Chín - ông Minh Bò Sữa	DGT	0,12		0,12	CLN	Công trình dạng tuyến	Phú An	Xã hội hóa	2018
26	Đường BTNN từ ông Nì - ông Nê	DGT	0,15		0,15	CLN	Công trình dạng tuyến	Phú An	Xã hội hóa	2018
27	Đường BTXM từ bà Hiệp - ông Vọng	DGT	0,12		0,12	CLN	Công trình dạng tuyến	Phú An	Xã hội hóa	2018
28	Đường BTXM từ bà Mỹ Hạnh - ông Trung Vinh	DGT	0,10		0,10	CLN	Công trình dạng tuyến	Phú An	Xã hội hóa	2018
29	Đường BTXM từ ông 4 Gia - ông 2 Vạn	DGT	0,12		0,12	CLN	Công trình dạng tuyến	Phú An	Xã hội hóa	2018
30	Đường BTXM từ ông Hữu Thật - ông Tư Bực	DGT	0,11		0,11	CLN	Công trình dạng tuyến	Phú An	Ngân sách	2018
31	Nâng cấp đường từ ĐT741 - Ba Re	DGT	0,36	0,24	0,12	CLN	Khu phố 1	Tân Định	Xã hội hóa	2018
32	Nâng cấp đường từ QL13 - nhà Lê Văn Thanh	DGT	0,20		0,20	CLN	Khu phố 4	Thới Hòa	Xã hội hóa	2018

33	Nâng cấp đường từ QL13 - nhà ông Tư Bồn	DGT	0,20		0,20	CLN	Khu phố 6	Thới Hòa	Xã hội hóa	2018
34	Xây dựng tuyến đường từ QL13 - Chung cư Phố Mỹ-Bầu Bàng	DGT	0,30		0,30	CLN	Khu phố 6	Thới Hòa	Ngân sách	2018
V	Huyện Phú Giáo	12	144,61	0,00	144,61					
35	Chợ An Thái	DCH	1,00		1,00	BHK	Thửa 138 Tờ 14 và 1 phần thửa 56,57,60 Tờ 15	An Thái	Doanh nghiệp	2016
36	Chợ Phước Hòa	DCH	0,60		0,60	CLN	Thửa 50 tờ 19	Phước Hòa	Ngân sách	2016
37	Chợ Phước Vĩnh	DCH	2,00		2,00	CLN	Tờ 45	Phước Vĩnh	Doanh nghiệp	
38	Nhà văn hóa xã An Thái	DVH	1,05		1,05	DGD	Thửa 154, 48 Tờ 6	An Thái	Ngân sách	2016
39	Mở rộng, nâng cấp Đường ĐH 514 (đoạn từ ĐT 741 và khu văn cứ quân sự kho A - xã Phước Hoà)	DGT	3,80		3,80	CLN	Công trình dạng tuyến	Phước Hòa	Ngân sách	2018
40	Trường Mầm non Hoa Mai (mới)	DGD	1,10		1,10	CLN	1 phần Thửa 77 tờ 18	An Bình	Ngân sách	2018
41	Đường tạo lực Tân Uyên- Phú Giáo- Bàu Bàng	DGT	84,93		84,93	CLN+H NK	Đã phóng tuyến trên BD	An Bình, Vĩnh Hòa, Tam Lập	Ngân sách	2017
42	Nhà máy xử lý nước thải	DRA	1,00		1,00	CLN	Khu phố 1	Phước Vĩnh	Doanh nghiệp	2017
43	Khu văn hóa xã Phước Hòa	DVH	3,00		3,00	CLN	1 phần Thửa 90 tờ 57	Phước Hòa	Ngân sách	2018
44	Nhà truyền thống đồng bào dân tộc xã An Bình	DVH	1,13		1,13	CLN	1 phần Thửa 275, tờ 49	An Bình	Ngân sách	2018
45	Nghĩa trang nhân dân Vĩnh Hòa	NTD	30,00		30,00	CLN	Tờ 50	Vĩnh Hòa	Doanh nghiệp	2017
46	Nghĩa trang nhân dân Phước Sang	NTD	15,00		15,00	CLN	Thửa 132,775 Tờ 21	Phước Sang	Doanh nghiệp	2017
VI	Huyện Bàu Bàng	4	24,98	0,22	24,76					
47	Mở rộng trường học (phân hiệu 8, ấp Đồng Chèo)	DGD	0,78	0,22	0,56	CLN	Thửa 55, một phần thửa 171, Tờ bản đồ 10	Lai Uyên	Ngân sách	2018
48	Đường giao thông từ nhà ông Mười Lượm - Lô cao su	DGT	0,00		0,00	CLN	Tờ bản đồ 14	Tân Hưng	Xã hội hóa	2018
49	Dự án tuyến ống dẫn nước về trung tâm đô thị Bắc Bình Dương	DTL	22,20		22,20	CLN	Tờ bản đồ số 38, 39 (xã Lai Hưng); Tờ bản đồ số 1, 5, 6, 15, 16, 23, 24, 25, 26, 37 (xã Lai Uyên); Tờ bản đồ số 2, 8, 9, 15, 16 (xã Tân Hưng); Tờ bản đồ số 14, 20, 24 (xã Trừ Văn Thố)	Lai Hưng, Lai Uyên, Tân Hưng, Trừ Văn Thố	Doanh nghiệp	2018

50	Trạm cấp nước xã Tân Hưng	DTL	2,00		2,00	CLN	Thửa 141, 133, Tờ bản đồ 25	Tân Hưng	Doanh nghiệp	2018
VII	Huyện Bắc Tân Uyên	2	0,54	0,00	0,54					
51	Trạm biến áp 110kV VSIP 2 - MR2 và đường dây đầu nối	DNL	0,50		0,50	CLN	Bình Mỹ	Bình Mỹ	Doanh nghiệp	2017
52	Mở rộng Văn phòng ấp 5	DSH	0,04		0,04	CLN	Thửa đất 261, tờ bản đồ số 27	Tân Thành	Doanh nghiệp	2017
B	SỐ TN&MT THẨM ĐỊNH LOẠI BỎ (Công trình quá 3 năm)	18	86,04	3,37	82,66					
I	thị xã Tân Uyên	4	8,10	0,00	8,10					
1	Đường dây 110kV Phú Giáo - TBA 220kV Uyên Hưng	DNL	0,25		0,25	CLN	Dạng tuyến	Uyên Hưng, Hội Nghĩa	Doanh nghiệp	2016
2	Khu Tái định cư Dư Khánh	ODT	1,30		1,30	LUA	Thửa 376, 378, 380, 427, 428, 429, 430, 431, 444, 445, 446, 447, 448, 4002, 503, 504, 502, 517, tờ 12	Thanh Phước	Ngân sách	2015
3	Nhà ở xã hội Tân Uyên Hưng	ODT	4,84		4,84	CLN	thửa 5, tờ 35	Uyên Hưng	Ngân sách	2016
4	Khu dân cư - Tái định cư phường Uyên Hưng	ODT	1,71		1,71	CLN	Thửa 465, 466, 467, 468, 469, 470, 471, 472, 473, 474, 475, 476, 477, 478, 479, 480, 481, 482, 483, 484 tờ 47	Uyên Hưng	Ngân sách	2016
II	Thị xã Bến Cát	11	58,28	3,37	54,91					
5	Nâng cấp mở rộng trường Trung cấp Kinh tế Bình Dương	DGD	5,69	3,37	2,32	CLN	Thửa đất số 5418, tờ bản đồ số 26	Tân Định	Xổ số kiến thiết	2016
6	Trường Mầm non Mỹ Phước	DGD	0,87		0,87	CLN	thửa đất số 5418, tờ bản đồ số 42	Mỹ Phước	Xổ số kiến thiết	2016
7	Giải tỏa trắng kv dọc sông Thị Tính tuyến đường Ngô Quyền đoạn qua chợ Bến Cát	DGT	0,61		0,61	ODT	1 phần tờ bản đồ số 28	Mỹ Phước	Ngân sách	2015
8	Nâng cấp mở rộng đường 2 tháng 9 (lộ 7B cũ)	DGT	21,88		21,88	CLN, ODT	Tờ bản đồ số 33, 34, 50, 51, 52, 53, 55, 56 (MP), tờ bản đồ số 7, 8, 9, 10, 11 (CPH)	Mỹ Phước, Chánh Phú Hòa	Ngân sách	2015
9	Đường Cầu Đò 2 và đường dẫn vào cầu (đường Ngô Quyền)	DGT	3,25		3,25	ODT, CLN	BQLDA tỉnh quản lý (thay đổi diện tích tăng 3,25ha)	Mỹ Phước, An Điền	Ngân sách	2016
10	Đường vào Trung tâm hành chính xã An Điền (Đường 30/4 nối lộ 7A vào Khu TTHC)	DGT	1,72		1,72	CLN	Công trình dạng tuyến	An Điền	Ngân sách	2016

11	Mở rộng DT 744 (đường và hệ thống thoát nước)	DGT	18,86		18,86	CLN	Công trình dạng tuyến	Phú An	Ngân sách	2016
12	Tuyến đường giao thông nội đồng ấp An Sơn	DGT	1,00		1,00	CLN	Tờ bản đồ số 43	An Điền	Ngân sách	2016
13	Tuyến đường giao thông nội đồng ấp Kiến Điền	DGT	0,80		0,80	CLN	Tờ bản đồ số 27	An Điền	Ngân sách	2016
14	Xây dựng đường ven sông Thị Tinh	DGT	3,10		3,10	CLN	Công trình dạng tuyến	Mỹ Phước	Ngân sách	2016
15	Công viên Cầu Đò (ven sông Thị Tinh)	DKV	0,50		0,50	ODT, CLN	thửa đất số 244, 245, 114, 103, 104, 105, 25, 26, 27, 37, tờ bản đồ số 11	Mỹ Phước, An Điền	Ngân sách	2016
III	huyện Phú Giáo	2	17,96	0,00	17,96					
16	Khu Đô thị thị trấn Phước Vĩnh (Mở rộng khu dân cư khu phố 8)	ODT	17,63		17,63	CLN	Thửa 267,2000,7,10,11,12,13,14,15 Tờ 56	Phước Vĩnh	Ngân sách	2017
17	Tuyến đường dây điện 500KV Phú Giáo	DNL	0,33		0,33	CLN	Chưa xác định	An Long	Doanh nghiệp	2016
IV	huyện Bắc Tân Uyên	1	1,70	0,00	1,70					
18	Trường THPT Tân Bình	DGD	1,70		1,70	CLN	Một phần thửa 14, 15 tờ bản đồ số 42	Tân Bình	Ngân sách	2016
	Tổng số	70	271,66	6,59	265,06					